

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Thực hiện Công văn số 2543-CV/BTGTW, ngày 08/3/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (gọi tắt là *Nghị quyết số 20-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo như sau:

I- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**1. Công tác quán triệt, học tập, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết**

Tỉnh ủy tổ chức hội nghị học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) trong đó có Nghị quyết số 20-NQ/TW cho trên 500 cán bộ chủ chốt trong toàn tỉnh. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức hội nghị quán triệt, học tập cho cán bộ chủ chốt, đồng thời chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ trực thuộc phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên, người lao động. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết sâu rộng đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Kết quả: Tỷ lệ cán bộ, đảng viên được học tập, quán triệt Nghị quyết đạt 95,7%, tỷ lệ nhân dân được tuyên truyền, phổ biến đạt 93,2%.

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, định hướng hệ thống tuyên giáo, các cơ quan tư tưởng, văn hóa, báo cáo viên các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 20-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo liên quan đến các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ như: Báo Lai Châu duy trì chuyên mục Khoa học và Đời sống trên báo điện tử, mỗi tháng bình quân đăng tải 15 tin, bài về khoa học và công nghệ trên các số báo thường kỳ và báo vùng cao; Đài PT-TH tỉnh biên tập và phát sóng bình quân 3-5 tin, phóng sự, chuyên đề/tháng; Sở Khoa học và Công nghệ phát hành 12 số bản tin KH-CN/năm,...

Thông qua việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đối với sản xuất và đời sống nhân dân, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Tỉnh ủy đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) trong đó có Nghị quyết số 20-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị¹.

Thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 27/11/2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 334-KH/TU; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 17/02/2020 về thực hiện Kế hoạch số 334-KH/TU ngày 27/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời xây dựng Kế hoạch thực hiện đảm bảo nghiêm túc, khả thi, phù hợp với tình hình, điều kiện của đơn vị, địa phương (*phụ lục 01*).

3. Công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết

Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và các kết luận, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về khoa học và công nghệ. Hệ thống tuyên giáo của tỉnh thực hiện lồng ghép các cuộc kiểm tra, giám sát, khảo sát tình hình thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác khoa giáo hằng năm, trong đó có lĩnh vực khoa học và công nghệ⁽²⁾. Định kỳ các cấp, các ngành tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; đến nay, các đơn vị, địa phương đã hoàn thành công tác tổng kết Nghị quyết số 20-NQ/TW, kịp thời đánh giá kết quả, hạn chế và đề ra các giải pháp tích cực nhằm thực hiện tốt Nghị quyết gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

II- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỀ RA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

¹ Kế hoạch số 182/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

⁽²⁾ Năm 2019, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với các ngành liên quan tổ chức khảo sát việc quán triệt, triển khai, thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; công tác trí thức khoa học và công nghệ tại các huyện Mường Tè, Than Uyên, Tân Uyên.

Từ năm 2012 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai 108 đề tài, dự án (nhiệm vụ), trong đó có 18 nhiệm vụ cấp Quốc gia, 90 nhiệm vụ cấp tỉnh (57 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp; 22 nhiệm vụ lĩnh vực xã hội và nhân văn; 11 nhiệm vụ lĩnh vực y dược và lĩnh vực kỹ thuật). Quan tâm đầu tư xây dựng chính quyền điện tử, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành. Ưu tiên nguồn lực, đề tài, dự án ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng 6 nhãn hiệu nông sản gạo, chè địa phương.

Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh từng bước được nâng lên. Toàn tỉnh hiện có 24 tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa II; 445 thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa I; 01 trung tâm kiểm định và phát triển khoa học, công nghệ, phát triển; 01 trường cao đẳng cộng đồng; 15 tổ chức thuộc lĩnh vực y tế; 14 tổ chức thuộc các đơn vị khác. Bình quân có 270 cán bộ hoạt động trong lĩnh vực KHCN/1 vạn dân.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã của Nghị quyết

2.1. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ

Nhận thức rõ vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan trong hệ thống chính trị tỉnh tăng cường lãnh đạo, quản lý, tham mưu đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm hoàn thiện, đổi mới hoạt động quản lý, nhất là quản lý tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ, tạo hành lang pháp lý để triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chất lượng, hiệu quả. Tỉnh đã ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển. Việc xây dựng và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở nhu cầu phát triển của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; từng bước thực hiện cơ chế đặt hàng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ trong, ngoài tỉnh. Các huyện, thành phố đưa các nội dung nhiệm vụ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để triển khai thực hiện, phối hợp với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, xây dựng thương hiệu sản phẩm, mô hình kinh tế, chuyển đổi mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi... phù hợp tiềm năng thế mạnh của từng địa phương.

2.2. Cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ

Cơ chế quản lý và cơ chế tài chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được thường xuyên rà soát, điều chỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ ngày càng được hoàn thiện, góp phần hỗ trợ các tổ chức ứng dụng đổi mới công nghệ, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đặc biệt đã đổi mới toàn bộ quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ khâu xác định nhiệm vụ, tuyển chọn chủ trì cho đến quản lý triển khai, đánh giá nghiệm thu và công nhận kết quả.

2.3. Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu

- ***Lĩnh vực Nông nghiệp:*** Tập trung nghiên cứu về đặc trưng khí tượng, thủy văn, thổ nhưỡng phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về chọn giống, nhân giống, chăm sóc một số loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung kết hợp với chế biến, nâng cao giá trị nông sản hàng hóa của tỉnh. Cụ thể:

Áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất lúa của tỉnh, phát triển sản xuất các loại nông sản có lợi thế so sánh cao để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung⁽³⁾. Lựa chọn một số giống cây trồng mới (cây công nghiệp, cây lương thực, cây ăn quả, cây dược liệu,...) đưa vào khảo nghiệm trên các vùng sinh thái và địa hình khác nhau nhằm sử dụng hiệu quả tiềm năng đất đai của địa phương. Đặc biệt đã ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để đưa các giống cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày vào trồng trên đất bán ngập đem lại hiệu quả, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Bước đầu đã đưa ra được cơ cấu bộ giống và thời vụ gieo trồng thích hợp, nhằm tăng vụ sản xuất từ 1 vụ lên 2-3 vụ tại các huyện: Tam Đường, Tân Uyên, Thuận Uyên, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Khảo nghiệm và đưa vào triển khai trồng cây ăn quả Lê, Hồng, Đào tại các huyện Tam Đường, Sìn Hồ. Cung cấp luận cứ trong quy hoạch vùng sản xuất cao su; nghiên cứu lựa chọn được 5 giống cao su phù hợp phát triển trên địa bàn. Phát triển giá trị sản phẩm cây chè thông qua việc thực hiện mô hình sản xuất chè an toàn VietGAP; chè sạch, hữu cơ góp phần nâng cao giá trị, mẫu mã sản phẩm chè địa phương và mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm chè an toàn của tỉnh⁽⁴⁾. Ngoài ra, đã bổ sung 29 giống, góp phần hoàn thiện cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi của

⁽³⁾ Như: vùng trồng Macca tại 07/08 huyện, thành phố (trừ huyện Sìn Hồ), lúa Tẻ Râu tại các huyện Phong Thổ, Tam Đường; lúa Khẩu Ký, Nếp Tan Co Giàng tại huyện Tân Uyên, lúa Sẻng cù tại huyện Thuận Uyên, cây dược liệu tại huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và Mường Tè; lúa chất lượng cao tại Tân Uyên, Tam Đường, Thuận Uyên, Sìn Hồ; chè (chè Kim Tuyên, chè Shan, chè PH8) tại các huyện Thuận Uyên, Tân Uyên, Tam Đường và TP Lai Châu; Ngô trồng tại Thuận Uyên...

⁽⁴⁾ Đến nay, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp GCN nhãn hiệu cho sản phẩm chè của huyện Tân Uyên, Tam Đường và sản phẩm chè của Lai Châu đã đi vào thị trường các nước Trung Đông, Đài Loan, Mỹ, Đức, Hà Lan...

tỉnh⁽⁵⁾. Phát triển, hình thành vùng rau màu hàng hóa, sản xuất rau an toàn tại một số khu vực có lợi thế trên địa bàn tỉnh như: Tam Đường, Tân Uyên, Phong Thổ.

Thực hiện 600 mô hình trình diễn của 115 giống cây trồng, vật nuôi có năng suất vượt trội trên 25%, chất lượng sản phẩm tốt được chuyển giao thông qua 250 quy trình kỹ thuật cho 5.200 người dân ứng dụng vào sản xuất và được nhân rộng trên toàn tỉnh⁽⁶⁾.

Triển khai 10 chuyên đề nghiên cứu về đặc điểm, ảnh hưởng của điều kiện môi trường và xã hội cũng như các giải pháp bảo vệ và phát triển các loài quý hiếm như: Tập trung nghiên cứu bảo tồn Cây Tam thất hoang, Sâm Lai Châu đây là các dược liệu quý hiếm chỉ có trên địa bàn tỉnh, có giá trị về nguồn gen cũng như về giá trị dược liệu⁽⁷⁾. Danh mục loài và bản đồ phân bố cây lâm nghiệp dần được hình thành nhờ các hoạt động điều tra khảo sát. Đến nay, đã có 71 loài hoa lan của tỉnh Lai Châu được ghi nhận và công bố (trong đó có 10 loài quý hiếm có trong sách đỏ và 6 loài đặc hữu của địa phương); 143 loài cây thuốc quý hiếm; 542 loài thực vật rừng tự nhiên ở huyện Mường Tè, trong đó có 57 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam. Nhóm cây bản địa như cây Vôi thuốc, cây Tống quá sủ, các loài song, mây bản địa... cũng được triển khai thí nghiệm mô hình phục vụ công tác phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phát triển rừng bền vững.

Hỗ trợ xây dựng phát triển đàn giống lợn, bò, trâu trong chăn nuôi, đảm bảo nạc hoá 45% tổng đàn lợn, Zebu hóa 35-45% tổng đàn bò và phát triển đàn gia cầm (gà sao) siêu thịt, siêu trứng. Nghiên cứu sự phân bố và lưu hành của virus lở mồm long móng ở gia súc, đưa ra giải pháp cảnh báo, phòng ngừa khả năng phát sinh dịch bệnh. Ứng dụng công nghệ vào chế biến và dự trữ thức ăn cho gia súc; phát triển nuôi thủy sản.

- Lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái: Để phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh, hoạt

⁽⁵⁾ Bao gồm: 08 giống lúa (Tè Râu, Khẩu Ký, Nếp Tan co giò, Ség Cù, PC6, J01, J02, Khẩu Hóc); 03 giống Ngô (PC333, LVN10, Bioseed9698); 01 giống Đậu tương (ĐT84); 03 giống lê (BV1, DL2, VH6); 02 giống đào (Flordaprinle, Hakuto); 03 giống chè (kim tuyến, chè shan, chè PH8), 5 giống cao su (RIV4, GT1, IAN 873, GT1, RRIV4), 02 dòng Macca (OC, 816); 02 giống lợn (Duroc, Landace).

⁽⁶⁾ Quy trình sản xuất các giống lúa đặc sản địa phương (lúa Tè Râu, lúa Khẩu Ký, nếp Tan Co Giàng, Ség Cù), quy trình phòng trừ bệnh thối nhũn hoa địa lan Sin Hồ, quy trình trồng, chăm sóc cây Actiso, quy trình kỹ thuật cây dược liệu (Sâm Lai Châu, tam thất hoang, Bảy lá một hoa, Đỗ Trọng...), cây lâm sản ngoài gỗ (địa lan, Khôi Nhung, Lan Kim Tuyến,...), trồng cây lê, hồng, đào; trồng, chăm sóc cây Maccadamia; quy trình sản xuất con giống phục vụ nhu cầu địa phương (như công nghệ phối giống lợn bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, quy trình kỹ thuật ương giống, nuôi thương phẩm cá tầm (Acipenser spp) và sản xuất trứng cá tầm muối; chăm sóc, thu hái quả, lựa chọn cây giống đối với cây óc chó ...).

⁽⁷⁾ Đề tài “Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các loài Sâm Lai Châu (*Panax vietnamensis* var *fuscidicus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai), Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus* H. T. Tsai et K. M. Feng) ở các xã vùng cao huyện Mường Tè” đã triển khai nghiên cứu đặc điểm sinh thái, phân bố, hiện trạng, mức độ nguy cấp và giá trị nguồn gen của loài Tam thất hoang, Sâm Lai Châu bên cạnh đó tiến hành nghiên cứu chọn giống và nhân giống Tam thất hoang, Sâm Lai Châu nghiên cứu kỹ thuật trồng thâm canh sau đó tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nhân dân huyện Mường Tè nhằm bảo tồn và phát triển Tam thất hoang, Sâm Lai Châu.

động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã tập trung nghiên cứu các vấn đề: Điều tra tổng thể tài nguyên khoáng sản, tai biến địa chất của tỉnh, môi trường phóng xạ tại các huyện Phong Thổ, Tam Đường; điều tra hệ thực vật rừng huyện Mường Tè⁽⁸⁾. Kết quả của các nghiên cứu trên đã cung cấp các luận cứ khoa học cho việc quy hoạch, khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản và bảo vệ nguồn sinh học của tỉnh.

- **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y dược:** Tập trung nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy như "Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh Lai Châu". Điều tra một số loại bệnh, năng lực và chất lượng dịch vụ y tế, môi trường phục vụ cho công tác chăm sóc, chữa bệnh. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, hiện đại phù hợp với từng tuyến phục vụ cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và dự phòng. Nghiên cứu tổng kết thực tiễn, đề xuất các mô hình, giải pháp phòng chống các loại bệnh nguy hiểm trên địa bàn tỉnh như: phòng chống bệnh lao; điều tra, khảo sát các dịch tễ học tại dân cư⁽⁹⁾,... Sưu tầm, phát huy các bài thuốc dân gian, phương pháp chữa bệnh cổ truyền; đề xuất và triển khai các giải pháp bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn dược liệu của Lai Châu⁽¹⁰⁾.

- **Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:** Tập trung nghiên cứu, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của 13 dân tộc; nghiên cứu biên soạn cuốn Địa chí tỉnh Lai Châu; đánh giá thực trạng các chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành giai đoạn 2011-2021;...⁽¹¹⁾. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã cung

⁽⁸⁾ Điều tra khảo sát bức xạ trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã xác định được phong nền phóng xạ của tỉnh nói chung và ở khu vực mỏ nói riêng góp phần nâng cao công tác quản lý an toàn bức xạ của tỉnh hạn chế các mối nguy hại có thể xảy ra với sức khỏe con người và môi trường. Điều tra tổng thể tài nguyên khoáng sản và tai biến địa chất tại tỉnh Lai Châu đã làm sáng tỏ và cập nhật các thông tin về đặc điểm địa chất, tiềm năng tài nguyên khoáng sản, điều kiện địa chất thủy văn và các dạng tai biến địa chất tỉnh Lai Châu. Điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nghiên cứu địa chất, lập bản đồ về các loại tài nguyên khoáng sản, xác định trữ lượng, chất lượng, địa điểm các loại tài nguyên để có kế hoạch đưa vào khai thác và sử dụng hợp lý và hiệu quả, trên cơ sở đó cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu quy luật và tác động của các hiện tượng tự nhiên, khí hậu, thời tiết, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đánh giá tài nguyên, khoáng sản, đa dạng sinh học, tai biến địa chất, phóng xạ của các mỏ đất hiếm, dịch tễ học dân cư sống trong khu vực mỏ đất hiếm của tỉnh, hàm lượng kim loại nặng trong nước và các thực phẩm; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý nước, thí điểm mô hình khai thác nước sinh hoạt cho 03 xã Vàng Ma Chải, Ma Li Chải, Mù Sang (huyện Phong Thổ).

⁽⁹⁾ Nghiên cứu tỷ lệ mắc lao và giải pháp nâng cao năng lực y tế cơ sở trong công tác phòng chống bệnh lao tỉnh Lai Châu; Điều tra, khảo sát dịch tễ học dân cư sống trong khu vực mỏ đất hiếm của huyện Phong Thổ, Tam Đường tỉnh Lai Châu; "Nghiên cứu đánh giá khả năng chống tái nghiện sau cai bằng thuốc CEDEMEX tại các trung tâm cai nghiện tỉnh Lai Châu"...

⁽¹⁰⁾ Đề tài: Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng và chế biến đồ trọng tại huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu; đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài cây thuốc quý hiếm có giá trị kinh tế thuộc chi Bầy lá một hoa tại tỉnh Lai Châu; Đề tài "Bảo tồn, phát triển và xây dựng thương hiệu cây Lan Kim Tuyến trên dãy Hoàng Liên Sơn tại tỉnh Lai Châu"; Dự án: Thử nghiệm mô hình và hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây dược liệu Khôi nhung tại Lai Châu; Đề tài: Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển loài Tam thất hoang ở các xã vùng cao huyện Mường Tè; Dự án: Xây dựng mô hình trồng cây Tam thất hoang Mường Tè (Sầm Lai Châu) tại các huyện Mường Tè, Sìn Hồ và Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

⁽¹¹⁾ Các vấn đề: giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của một số dân tộc ít người (dân tộc Mông, Dao, La Hủ) trên địa bàn tỉnh; thực trạng phụ nữ xuất cảnh trái phép; đánh giá thực trạng các mô hình du lịch cộng đồng; chuỗi

cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác lãnh đạo xây dựng, hoạch định các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; hạn chế các hủ tục lạc hậu trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo đảm quốc phòng, an ninh: Tập trung nghiên cứu biên soạn tài liệu tuyên truyền giáo dục, các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự vùng đồng bào các dân tộc; nghiên cứu và triển khai các đề tài: Đánh giá thực trạng phụ nữ người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lấy chồng; giải pháp nâng cao công tác phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống cột mốc biên giới Việt - Trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu;...

2.4. Phát huy và tăng cường tiềm lực cho khoa học và công nghệ

Trong giai đoạn 2012-2022 tỉnh đã bố trí trên 118,8 tỷ đồng để triển khai 10 dự án phát triển khoa học và công nghệ; bố trí vốn từ nguồn sự nghiệp khoảng 107 tỷ đồng (trung bình 10,7 tỷ đồng/năm) để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị,... phục vụ cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hỗ trợ 14 đơn vị đổi mới, ứng dụng khoa học và công nghệ, qua đó góp phần giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường, dây chuyền công nghệ sau khi được đổi mới giúp các đơn vị tăng năng suất từ 20-35%, giá thành sản phẩm giảm khoảng 25%, lao động phổ thông giảm, doanh thu của đơn vị tăng, lương của công nhân và nhân viên đơn vị tăng từ 500.000 - 700.000 đồng/tháng; công nhận khả năng kiểm định đối với 17 loại phương tiện đo lường góp phần nâng cao khả năng quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, bảo vệ lợi ích của các đơn vị sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng. Ngoài nguồn vốn nhà nước đầu tư, một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm tăng cường hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản phẩm, tăng năng suất lao động, bước đầu liên kết với hộ dân thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị.

2.5. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Để phát triển thị trường khoa học và công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt Dự án phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh⁽¹²⁾, ban hành quy định hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa

giá trị của các hàng hóa nông sản; biên soạn bộ chữ viết của dân tộc Hà Nhì; thực trạng an sinh xã hội và các hủ tục đang tồn tại trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

⁽¹²⁾ Quyết định số 1431/QĐ-UBND, ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu⁽¹³⁾. Đến nay đã hình thành được mạng giao dịch công nghệ, góp phần vào phát triển thị trường khoa học và công nghệ liên vùng và liên tỉnh trong toàn quốc; chủ động công bố, tạo đầu mối kết nối cung - cầu công nghệ trên mạng giao dịch để đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, thương mại.

2.6. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu trong tỉnh đã chủ động phối hợp với 20 viện, trường đại học, trung tâm nghiên cứu để nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ cho tỉnh, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp như: Hợp tác với Viện cây lương thực chuyển giao công nghệ trồng một số giống cây lương thực chịu hạn trên đất ruộng 1 vụ; hợp tác với Học viện Nông nghiệp phục tráng một số giống lúa địa phương như: lúa Khẩu ký, lúa Nếp tan Co Giàng; Viện nghiên cứu Lâm sinh, nghiên cứu, bảo tồn, phát triển loài tam thất hoang ở các xã vùng cao huyện Mường Tè; ... Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ bước đầu được triển khai, tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự, đào tạo nhân lực, thương mại, du lịch, phát triển cây công nghiệp như chè, cao su... Tỉnh đã cử cán bộ quản lý khoa học và công nghệ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về công nghệ tiên tiến tại nước ngoài, góp phần nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh; từ năm 2021, ngành KH-CN của tỉnh đã đề xuất các nhiệm vụ tăng cường mối quan hệ giao lưu, thúc đẩy hợp tác với tỉnh Vân Nam, cơ sở chuyển giao, trung tâm nghiên cứu và phát triển của Thượng Hải, Châu Hồng Hà (Trung Quốc) về khoa học và công nghệ.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW; nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ được nâng lên. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết được các cấp ủy, chính quyền cụ thể hóa và triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương. Khoa học và công nghệ đã từng bước được áp dụng trong nhiều lĩnh vực như: Nông nghiệp, nông thôn, giáo dục đào tạo, thông tin, truyền thông, y tế, quốc phòng – an ninh, bảo vệ môi trường, ... mang lại những chuyển biến và hiệu quả tích cực trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất. Bước đầu đã hình thành được một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có giá trị kinh tế và phù hợp với thực tiễn của tỉnh,

⁽¹³⁾ Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 về Quy chế hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân⁽¹⁴⁾.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, yếu kém

Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết và các văn bản liên quan về phát triển khoa học và công nghệ tại một số cấp ủy, chính quyền còn chậm. Hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và phục vụ cho việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ còn thiếu và bất cập. Các định hướng chiến lược và các chương trình, đề tài mang tính đột phá chưa rõ nét, chưa xây dựng được sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia. Đội ngũ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa được đào tạo về quản lý khoa học và công nghệ, thiếu chuyên gia giỏi. Năng lực nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ của các đơn vị nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn thấp. Số lượng doanh nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cao vào sản xuất còn hạn chế. Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh ít tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Hợp tác quốc tế về KHCN tuy đã có, nhưng quy mô và hiệu quả chưa cao, chưa thật sự phát huy hết tiềm năng sẵn có của địa phương.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ chưa đầy đủ.

- Nguồn lực đầu tư của nhà nước, xã hội cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn thiếu, mới đạt 0,38% GDP, chi đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước chưa bảo đảm theo yêu cầu của Luật khoa học và công nghệ (không dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước).

- Chính sách khuyến khích, huy động nguồn nhân lực từ các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân, các nhà khoa học tham gia đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào phát triển sản xuất chưa thực sự hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ.

- Tỉnh còn thiếu những nhà khoa học có khả năng nghiên cứu chuyên sâu, đủ năng lực và kinh nghiệm để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh trong từng lĩnh vực. Nguồn nhân lực tham gia các hoạt động tư vấn,

⁽¹⁴⁾ Kết quả các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đã góp phần vào công tác giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3-4%/năm (riêng các huyện nghèo giảm từ 4%/năm trở lên); giảm tỷ lệ hộ cận nghèo từ 1 đến 1,5%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020. Cải thiện sinh kế, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng 1,5 lần so với năm 2015.

phản biện, đánh giá, tuyển chọn, nghiệm thu các đề tài, dự án trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Một số kinh nghiệm

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ KHCN đến cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, doanh nghiệp về vai trò, hiệu quả của việc ứng dụng KHCN trong sản xuất và đời sống.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác phát triển khoa học và công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động KHCN, huy động sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, người dân vào hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN.

Ba là, thực hiện tốt việc lồng ghép các nội dung khoa học và công nghệ trong các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của các cấp, các ngành. Quan tâm dành nguồn lực đầu tư nghiên cứu, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; chú trọng huy động nguồn lực xã hội hóa, nhất là từ các doanh nghiệp.

Bốn là, các giải pháp phát triển khoa học và công nghệ phải được tiến hành đồng bộ, có khâu đột phá theo đặc thù, lợi thế từng vùng, từng địa phương, từng ngành. Lấy doanh nghiệp và người dân làm trung tâm của nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng để phát triển hiệu quả và bền vững thị trường khoa học và công nghệ.

Năm là, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ nghiên cứu KHCN, chú trọng chuyên gia giỏi; nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao KHCN của các cơ quan chuyên môn.

IV- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2045

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

1.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và các Kết luận, chương trình, kế hoạch về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực, tập trung ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Hỗ trợ các đơn vị đổi mới dây chuyền công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị các sản phẩm.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu đến năm 2030

- Tổng chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/tổng chi ngân sách địa phương đạt ít nhất 1% tổng chi ngân sách địa phương vào năm 2025 và đạt 2% vào năm 2030.

- Hình thành trên 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 05 doanh nghiệp công nghệ cao, 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hằng năm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ cho ít nhất 03 dự án; hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ, hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ cho ít nhất 03 dự án; hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho ít nhất 05 tổ chức, cá nhân; hỗ trợ quản lý chất lượng sản phẩm cho ít nhất 03 doanh nghiệp.

- Xây dựng 3 sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia, đủ sức cạnh tranh thị trường trong nước và quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ ngày càng cao. Đến năm 2030, số cán bộ nghiên cứu khoa học đạt 10 cán bộ nghiên cứu/vạn dân.

- Hằng năm, có trên 10 đơn vị đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trên 80% các tài sản trí tuệ đã được cấp văn bằng bảo hộ được khai thác, phát triển và thương mại hóa. Trên 60% các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh được bảo hộ về sở hữu trí tuệ.

- Thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) từng bước nâng tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ đạt từ 37,6% trở lên trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh vào năm 2030.

b. Mục tiêu đến năm 2045

- Lai Châu có ít nhất 01 Trung tâm nghiên cứu giống và cây trồng cấp vùng phục vụ tốt nhu cầu cải tiến chất lượng, phát triển cây và con giống cho các hoạt động nông lâm - thủy sản của tỉnh và các tỉnh lân cận.

- Thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp của khoa học và công nghệ trên 40% trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng trong quá trình phát triển Lai Châu thành một tỉnh “xanh và văn minh”.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh công tác tuyên

truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ, trọng tâm là Nghị quyết số 20-NQ/TW, những quan điểm cơ bản về khoa học và công nghệ được đề ra trong và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển của tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực. Thực hiện tốt việc triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu cấp tỉnh theo phương thức “đặt hàng, tuyển chọn”. Nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Chú trọng việc xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm, định kỳ kiểm tra, khảo sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và bổ sung giải pháp thực hiện cho phù hợp với tình hình của địa phương, đơn vị.

- Tập trung các nguồn lực triển khai các định hướng phát triển khoa học và công nghệ chủ yếu. Tăng cường nghiên cứu, phổ biến, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ, ưu tiên công nghệ cao, công nghệ tiên tiến phục vụ trực tiếp cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên các lĩnh vực. Xây dựng và thực hiện một số chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thường niên, trung hạn và dài hạn nhằm giải quyết các vấn đề trọng tâm của tỉnh, trong đó ưu tiên các chương trình kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng theo mô hình nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, ưu tiên cho đào tạo nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực cấp thiết của tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi để các nhà khoa học phát huy, cống hiến tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với sự sáng tạo, cống hiến, tạo động lực cho họ gắn bó lâu dài với tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ như: Chính sách xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ; lập, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết đa chiều, đa lĩnh vực về khoa học, công nghệ, đổi mới và sáng tạo: hợp tác công - tư, trong nước - quốc tế, cá nhân - tổ chức, doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường học trong công tác nghiên cứu và chuyển

giao công nghệ nhằm tranh thủ nguồn vốn, tri thức, nhân lực, kinh nghiệm để đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào quá trình phát triển của tỉnh.

V- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Trung ương tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho khoa học và công nghệ; hỗ trợ đào tạo nhân lực đáp ứng công tác nghiên cứu khoa học, tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật tiên bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Trung ương tăng mức đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của tỉnh, đến năm 2030 đạt ít nhất 2% tổng chi ngân sách địa phương để tỉnh có đủ tiềm lực thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

3. Các bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm, triển khai các nội dung, chương trình khoa học và công nghệ của trung ương trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương (B/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Văn Lương

PHỤ LỤC 1

Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của BCHTW Đảng khóa XI

(Kèm theo Báo cáo số 194-BC/TU, ngày 09/5/2022 của Tỉnh ủy)

Stt	Cấp ban hành	Loại văn bản	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu
Cấp tỉnh					
1	Tỉnh ủy		334-KH/TU		Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư
2		Chương trình hành động	40-CTr/TU	28/12/2019	CTHĐ của BTVTU thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/8/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
3	BTGTU	Hướng dẫn	77-HD/BTGTU	77-HD/BTGTU	Hướng dẫn việc tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI)
4	HĐND tỉnh	Nghị quyết	09/2019/NQ-HĐND	23/7/2019	Chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.
5	UBND tỉnh	Kế hoạch	182/QĐ -UBND	22/02/2013	Về việc thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TW
6		Kế hoạch	279/KH-UBND	17/02/2020	Về việc thực hiện Kế hoạch số 334-KH/TU ngày 27/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư
7		Quyết định	46/2014/QĐ-UBND	29/12/2014	Ban hành quy định thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực và hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu
8		Quyết định	962/QĐ-UBND	21/9/2012	về Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020
9		Quyết định	10/2012/QĐ-UBND	03/4/2012	Quy chế hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh
10		Quyết định	1431/QĐ-UBND	31/10/2014	Phê duyệt dự án phát triển thị trường KH&CN tỉnh Lai Châu
11		Quyết định	38/2014/QĐ-UBND	01/12/2014	Quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu
12		Quyết định	29/2014/QĐ-UBND	15/9/2014	Về việc ban hành quy định về xét, công nhận và quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu
13		Quyết định	32/2015/QĐ-UBND	09/12/2015	sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 về việc ban hành quy định về xét, công nhận và quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu
14		Quyết định	05/2016/QĐ-UBND	15/4/2016	Về việc Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu
15		Quyết định	35/2018/QĐ-UBND	16/11/2018	Quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu
16		Kế hoạch	1976/KH-UBND	25/12/2015	Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình quốc gia năng suất và chất lượng giai đoạn 2016 - 2020
17		Kế hoạch	1301/KH-UBND	13/7/2017	Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lai Châu đến năm 2025

Stt	Cấp ban hành	Loại văn bản	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu
18		Quyết định	40/QĐ-UBND	18/01/2019	Phê duyệt kế hoạch thực hiện đề án “phát triển nguồn tin KHCN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tỉnh Lai Châu
19		Quyết định	35/2019/QĐ-UBND	09/10/2019	Ban hành quy định một số nội dung thực hiện hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu
20		Quyết định	13/2020/QĐ-UBND	31/3/2020	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định một số nội dung thực hiện hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quy định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Lai Châu
21		Kế hoạch	3319/KH-UBND	15/10/2021	về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030
22		Kế hoạch	3320/KH-UBND	15/10/2021	triển khai thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Phụ lục 2: THỐNG KÊ CÁC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHCN

STT	Tên đề tài/dự án	Năm thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cấp
I	Lĩnh vực xã hội - nhân văn			
1	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh Lai Châu	2011-2012	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
2	Nghiên cứu việc giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa hạn chế ảnh hưởng tuyên truyền đạo trái pháp luật vào cộng đồng dân tộc Dao ở tỉnh Lai Châu	2011-2012	Hội văn học nghệ thuật tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
3	Xác định những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ tại các xã, phường và thị trấn của tỉnh Lai Châu	2012 – 2013	Ban Dân vận	Cấp tỉnh
4	Giải pháp bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc Mông, góp phần ổn định đời sống vật chất của đồng bào trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2012-2013	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Cấp tỉnh
5	Nghiên cứu và phát triển văn hóa tiêu biểu của dân tộc La Hủ tỉnh Lai Châu	2013-2015	Sở Văn hóa, TT &DL	Cấp tỉnh
6	Khảo sát, đánh giá thực trạng sinh con thứ ba ở huyện Tân Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè tỉnh Lai Châu	2013-2014	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	Cấp tỉnh
7	Kiểm kê, lập danh mục di sản văn hóa phi vật thể của 13 dân tộc tỉnh Lai Châu và đề xuất các giải pháp bảo tồn.	2014 – 2016	Bảo tàng tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh

8	Đánh giá thực trạng phụ nữ người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lấy chồng.	2015-2016	Công an tỉnh	Cấp tỉnh
9	Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào tỉnh Lai Châu	2016-2017	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Cấp tỉnh
10	Nghiên cứu, biên soạn địa chí tỉnh Lai Châu	2016-2018	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Cấp tỉnh
11	Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch cộng đồng tại 03 địa điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2017-2019	Trung tâm nghiên cứu phát triển bền vững – Học viện CTQG Hồ Chí Minh	Cấp tỉnh
12	Nghiên cứu thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2017-2019	Trường Đại học Y tế công cộng	Cấp tỉnh
13	Nghiên cứu giải pháp nâng cao công tác phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2018-2020	Công an tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
14	Xây dựng bộ chữ viết dân tộc Hà Nhì tỉnh Lai Châu	2019-2022	Viện ngôn ngữ	Cấp tỉnh
15	Nghiên cứu xây dựng giải pháp phát triển sản xuất cho một số nông sản hàng hóa theo chuỗi giá trị ở tỉnh Lai Châu trong liên kết vùng Tây Bắc	2019-2022	Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh	Cấp tỉnh
16	Thực trạng và giải pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc ít người tại tỉnh Lai Châu.	2019-2022	Trường Đại học Lao động – Xã hội	Cấp tỉnh
17	Đánh giá thực trạng các chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành giai đoạn 2011-2021 và đề xuất giải pháp giai đoạn 2021-2026	2020-2022	Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
18	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn nghề thủ công truyền thống trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	2020-2022	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Cấp tỉnh
19	Cải thiện chỉ số “Chi phí không chính thức” trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2021-2022	Thanh tra Tỉnh	Cấp tỉnh
20	Thực trạng và giải pháp phòng, chống tà đạo, đạo lạ trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2021-2023	Công an Tỉnh	Cấp tỉnh
21	Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý “Chè Lai Châu” cho sản phẩm chè của tỉnh Lai Châu	2021-2022	Trung tâm nghiên cứu và Phát triển hệ thống nông nghiệp	Cấp tỉnh
22	Giải pháp xúc tiến thương mại, nâng cao giá trị sản phẩm Đào, Mận, Lê phục vụ du lịch trên địa bàn huyện Tam Đường	2021-2022	Trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh- Thái Nguyên	

II	Lĩnh vực Nông nghiệp (57)			
23	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng cây bản địa: Cây Vối thuốc, Tổng quá sử phục vụ phát triển rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	2009-2012	Chi cục Phát triển lâm nghiệp tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
24	Chuyển giao công nghệ trồng một số giống cây lương thực chịu hạn trên đất ruộng một vụ nhằm nâng hệ số sử dụng đất tăng thu nhập cho người dân tại huyện Tân Uyên	2011-2013	Trung tâm nghiên cứu lúa thuần	Cấp tỉnh
25	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất một số loại rau, quả có lợi thế so sánh của tỉnh Lai Châu.	2011-2012	Trung tâm Nông, Lâm, Nghiệp Tây Bắc	Cấp tỉnh
26	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất chè Shan an toàn VietGAP tại Công ty cổ phần chè Tân Uyên	2011-2012	Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi Phía Bắc	Cấp tỉnh
27	Phục tráng giống lúa Khẩu ký, Nếp Tan địa phương của huyện Tân Uyên – tỉnh Lai Châu.	2011 – 2013	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
28	Khảo nghiệm cây Macca Damia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2011 – 2013	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
29	Nghiên cứu sự phân bố và lưu hành của virus lở mồm long móng (LMLM) ở gia súc tại tỉnh Lai Châu.	2011 -2013	Hội nông dân tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
30	Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống lúa thuần, lúa lai có năng suất, chất lượng cao tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.	2012 – 2013	UBND huyện Tam Đường	Cấp tỉnh
31	Phục tráng và phát triển giống lúa tẻ râu trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.	2012 – 2013	TT thực nghiệm và đào tạo nghề - trường ĐHNH Hà Nội	Cấp tỉnh
32	Xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình trồng Actisô (<i>Cynara scolymus</i> L) tại huyện Sìn Hồ theo tiêu chuẩn GAP.	2012-2015	Viện Dược liệu	Cấp tỉnh
33	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây thối mầm cây hoa địa lan tại huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu	2012-2014	Chi bảo vệ thực vật tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
34	Sản xuất giống lợn nạc bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo tại huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu.	2012-2014	UBND huyện Tam Đường	Cấp tỉnh
35	Điều tra, đánh giá thành phần sâu bệnh và biện pháp phòng trừ một số đối tượng sâu bệnh hại chính trên cây cao su tại địa bàn tỉnh Lai Châu	2013-2014	Viện Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
36	Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm một số giống cây ăn quả ôn đới nhập nội (Lê, Hồng, Đào) tại tỉnh Lai Châu.	2013-2016	TTNC và phát triển cây ôn đới	Cấp tỉnh

37	Xây dựng mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật canh tác tối thiểu hướng tới sản xuất ngô bền vững trên đất dốc tại tỉnh Lai Châu	2013-2016	TTNC và phát triển cây ôn đới	Cấp tỉnh
38	Xây dựng mô hình thử nghiệm một số giống lúa chịu lạnh, ngô chịu lạnh, chịu hạn trên địa bàn một số xã vùng cao huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường.	2013-2015	Trung tâm khuyến nông	Cấp tỉnh
39	Xây dựng mô hình canh tác một số loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và rau màu trên đất bán ngập hồ thủy điện Sơn La tại Lai Châu.	2013 – 2015	Trung tâm phát triển nông lâm nghiệp tây bắc	Cấp tỉnh
40	Chuyển giao kỹ thuật chế biến thức ăn gia súc từ phụ phẩm nông nghiệp bằng men vi sinh tại huyện Phong Thổ và Sìn Hồ.	2014-2016	Hội Nông dân tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
41	Chuyển giao công nghệ nuôi trồng nấm s, nấm rơm, nấm mỡ tại các 03 huyện: Than Uyên, Phong Thổ và Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu.	2014 – 2016	Trung tâm Ứng dụng TB&CGCN	Cấp tỉnh
42	Sản xuất thực phẩm cá tầm thương phẩm và trứng cá tầm Carviar trên hồ chứa Bản Chát huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.	2014 – 2017	Công ty CP thủy điện Chu va	Cấp tỉnh
43	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống lúa Tẻ Râu, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu	2014-2017	Trung tâm thực nghiệm và đào tạo nghề - Học viên Nông nghiệp	Cấp tỉnh
44	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống lúa Khẩu Ký thành vùng sản xuất hàng hóa tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	2014 – 2016	Trung tâm thực nghiệm và đào tạo nghề	Cấp tỉnh
45	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các loài Sâm lai châu (<i>Panax vietnamensis</i>), Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.T.Tsai et K.M.Feng) ở các xã vùng cao huyện Mường Tè	2014-2017	Viện nghiên cứu lâm sinh	Cấp tỉnh
46	Xác định công thức thâm canh trên đất ruộng một vụ bằng các giống cây chịu hạn tiến bộ tại cánh đồng huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.	2014 – 2017	Trung tâm khuyến nông tỉnh Lai Châu	Cấp tỉnh
47	Ứng dụng TBKT phát triển và tạo dựng Nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Ség cù Than Uyên” tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	2016-2018	UBND huyện Than Uyên	Cấp tỉnh
48	Nghiên cứu, tuyển chọn dụng Maccadamia có khả năng cho năng suất quả cao từ các vùng đã khảo nghiệm tại tỉnh Lai Châu.	2016-2019	Viện nghiên cứu lâm sinh	Cấp tỉnh
49	Ứng dụng chế phẩm sinh học sản xuất phân hữu cơ phục vụ sản xuất một số giống rau và rau thương phẩm an toàn tại tỉnh Lai Châu	2016-2017	Trung tâm ứng dụng TB KH&CN	Cấp tỉnh
50	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống và hình thành vùng sản xuất lúa Nếp Co Giàng hàng hóa tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	2016 -2018	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
51	Chọn giống, nhân giống và gây trồng Sơn Tra theo hướng lấy quả tại tỉnh Lai châu	2017-2020	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh

52	Xây dựng mô hình trồng, nhân giống Sâm Lai Châu nhằm bảo tồn và phát triển sản phẩm đặc hữu tại các huyện vùng cao của tỉnh Lai Châu	2017-2020	Viện nghiên cứu Lâm sinh	Cấp tỉnh
53	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm năng suất, chất lượng cao tại huyện Than Uyên.	2017-2020	Hợp tác xã Minh Thuận	Cấp tỉnh
54	Xây dựng mô hình trồng Khoai sọ Nậm Khao theo hướng hàng hóa tại huyện Mường Tè.	2017-2020	Trung Tâm tài nguyên thực vật	Cấp tỉnh
55	Phục tráng, phát triển nguồn gen cây lúa Tả Cù tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu	2017-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
56	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao sản xuất một số loại rau, quả tại tỉnh Lai Châu	2017-2020	Trung tâm khuyến nông tỉnh	Cấp tỉnh
57	Xây dựng biện pháp canh tác tổng hợp vườn cây lê thời kỳ thu hoạch trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	2018-2020	Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây ôn đới	Cấp tỉnh
58	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng và chế biến đỗ trọng tại huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu.	2018-2021	Viện Dược liệu	Cấp tỉnh
59	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài cây thuốc quý hiếm có giá trị kinh tế thuộc chi bảy lá một hoa tại tỉnh Lai Châu.	2018-2021	Viện Dược liệu	Cấp tỉnh
60	Phục tráng giống lúa nếp Khẩu Hốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.	2018-2020	Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến Nông	Cấp tỉnh
61	Nghiên cứu sâu bệnh hại chính và biện pháp phòng trừ trên cây chuối (chuối tiêu, chuối tây) tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	2018-2021	Chi Cục Trồng trọt và BVTV	Cấp tỉnh
62	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao sản xuất một số loại rau, quả tại Lai Châu	2019 - 2021	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Hà Sơn	Cấp tỉnh
63	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng, chế biến bột cây dong riềng chất lượng cao và xây dựng thương hiệu miến dong Bình Lư, huyện Tam Đường	2019 - 2022	Trung tâm Tài nguyên Thực vật; Hoàng Thị Nga	Cấp tỉnh
64	Xây dựng mô hình hỗ trợ quản lý, truy xuất, giám sát nông sản minh bạch và kết nối thị trường một số nông sản theo hướng thông minh tại Lai Châu.	2019 - 2022	Viện Phát triển Công nghệ và Giáo dục	Cấp tỉnh
65	Xây dựng mô hình trồng rau và xây dựng thương hiệu rau dược liệu làm thực phẩm bảo vệ sức khỏe phục vụ người tiêu dùng tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	2019 - 2022	Trung tâm thực nghiệm và Đào tạo nghề	Cấp tỉnh

66	Bảo tồn, phát triển và xây dựng thương hiệu cây Lan Kim Tuyến trên dãy Hoàng Liên Sơn tại tỉnh Lai Châu	2019 - 2022	Viện nghiên cứu lâm sinh	Cấp tỉnh
67	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng một số loài Lan có giá trị theo hướng hàng hóa tại tỉnh Lai Châu	2020-2022	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Hoa, cây cảnh	Cấp tỉnh
68	Nghiên cứu xây dựng mô hình nhân giống, trồng và chiết xuất một số hoạt chất từ quả Ót Trung đoàn phục vụ sản xuất dược phẩm tại huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.	2020-2022	Viện Dược liệu	Cấp tỉnh
69	Nghiên cứu bảo tồn các loài cây thuốc tím và phát triển sản phẩm tím thảo dược của đồng bào dân tộc Dao Khâu huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu.	2020-2023	Viện Dược liệu	Cấp tỉnh
70	Nghiên cứu giải pháp phát triển cây chuối theo hướng VietGap và sản xuất phân hữu cơ vi sinh tại Phong Thổ tỉnh Lai Châu.	2021-2023	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi	Cấp tỉnh
71	Phục tráng và xây dựng nhãn hiệu sản phẩm hai giống lúa Khẩu Lương tại huyện Phong Thổ và nếp Tan tại huyện Than Uyên	2021-2024	Trung tâm chuyển giao công nghệ và Khuyến Nông	
72	Tuyển chọn nhân giống cây Trám đen lấy quả để phục vụ sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	2021-2024	Trung Tâm nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ	Cấp tỉnh
73	Xây dựng mô hình nhân giống, trồng thâm canh cây Giổi lấy hạt và xây dựng nhãn hiệu sản phẩm “Hạt Giổi” tại tỉnh Lai Châu	2021-2024	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
74	Nghiên cứu thử nghiệm cây Hoàng sin cô (<i>Smallanthus sonchifolius</i>) phục vụ sản xuất hàng hóa tại tỉnh Lai Châu	2021-2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Cấp tỉnh
75	Nghiên cứu sâu bệnh hại chính và biện pháp phòng trừ trên cây chanh leo tại tỉnh Lai Châu	2021-2024	Viện Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh
76	Hoàn thiện quy trình nhân giống và trồng cây Hà thủ ô đỏ (<i>Fallopia multiflora</i> (Thumb.) Haraldson) phục vụ phát triển hàng hóa tại tỉnh Lai Châu	2021-2024	Trung Tâm Nghiên cứu dược liệu SaPa	Cấp tỉnh
77	Hoàn thiện quy trình nhân giống, nuôi thương phẩm và xây dựng nhãn hiệu cá lăng đuôi đỏ (<i>Hemibagrus wyckioides</i> Fang & Chaux, 1949) tại huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu	2021-2024	Học Viện nông nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
78	Nghiên cứu quy trình nhân giống, nuôi thương phẩm tôm <i>Macrobrachium</i> sp và xây dựng nhãn hiệu tôm Ta Gia huyện Than Uyên	2021-2024	Học Viện nông nghiệp Việt Nam	Cấp tỉnh
79	Xây dựng mô hình thử nghiệm giống Ba kích tím (<i>Morinda officinalis</i> F.C.How) tại tỉnh Lai Châu	2021-2024	Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ	Cấp tỉnh
III	Lĩnh vực khoa học kỹ thuật – y dược (11)			

80	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý môi trường, lũ lụt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn trọng điểm thuộc tỉnh Lai Châu	2012 – 2014	Trung tâm khí tượng thủy văn và tài nguyên nước	Cấp tỉnh
81	Nghiên cứu tỷ lệ mắc lao và một số giải pháp nâng cao năng lực y tế cơ sở trong công tác phòng, chống lao tỉnh Lai Châu.	2011-2013	Bệnh viện Lao và Phổi	Cấp tỉnh
82	Điều tra, khảo sát dịch tễ học dân cư sống trong khu vực mỏ đất hiếm của huyện Phong Thổ, Tam Đường - Lai Châu	2011 – 2013	Trường đại học mỏ địa chất	Cấp tỉnh
83	Ứng dụng bếp đun tiết kiệm nhiên liệu cho người dân khu vực tái định cư tại tỉnh Lai Châu	2011-2012	Trung tâm UWD TB&CGCN	Cấp tỉnh
84	Nghiên cứu đặc điểm khí hậu và phân vùng khí tượng phục vụ phát triển nông - lâm nghiệp bền vững của tỉnh Lai Châu	2011 – 2012	Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường.	Cấp tỉnh
85	Nghiên cứu các giải pháp khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế vùng lòng hồ các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	2011-2012	TTNC&PT vùng - Bộ KHCN	Cấp tỉnh
86	Sản xuất thử nghiệm than Biomass từ lõi Ngô, Trấu và mùn cưa dùng trong sinh hoạt cho người dân tại tỉnh Lai Châu.	2013 – 2014	Trường ĐH Tây bắc	Cấp tỉnh
87	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống cột mốc biên giới Việt -Trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2016 -2018	Viện công nghệ vũ trụ	Cấp tỉnh
88	Nghiên cứu đánh giá chất lượng đất tại các cánh đồng tập trung phục vụ việc quy hoạch và phát triển lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2019 - 2021	Viện Thổ nhưỡng nông hóa	Cấp tỉnh
89	Xây dựng mô hình hỗ trợ quản lý, truy xuất, giám sát nông sản minh bạch và kết nối thị trường một số nông sản theo hướng thông minh tại Lai Châu.	2019-2021	Viện Phát triển Công nghệ và Giáo dục	Cấp tỉnh
90	Nghiên cứu sưu tập các bài thuốc dân gian dân tộc Dao và nghiên cứu phát triển một số bài thuốc Phong tê Thấp Gia truyền của người Dao tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	2021-2024	Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên;	Cấp tỉnh
IV	Cấp bộ, các Chương trình cấp nhà nước			
1	Xây dựng mô hình áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ theo hướng nâng cao giá trị nông sản hàng hóa và khai thác hiệu quả lợi thế vùng tại hai cánh đồng sản xuất lúa nước của tỉnh Lai Châu (Cánh đồng xã Bình lư và cánh đồng xã Mường So - Huyện Phong	2010-2012	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ và Chuyển giao công nghệ	Cấp nhà nước
2	Xây dựng mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá tầm (Acipenser spp) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu	2012-2013	Công ty CP thủy điện chu va	Cấp nhà nước
3	Xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến nấm hàng hóa tại Lai Châu	2011-2013	Trung tâm ứng dụng TB&CGCN	Cấp nhà nước

4	Tạo lập và quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Chè Tân Uyên” cho sản phẩm chè của huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	2012-2014	Viện Nông hóa, Thổ Nhưỡng	Cấp nhà nước
5	“Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống, trồng thâm canh, cải tạo nương chè theo hướng VietGap và chế biến chè Olong tại công ty chè Tam Đường”	2013 – 2016	Công ty chè Lai Châu	Cấp nhà nước
6	“Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất hoa chất lượng cao tại tỉnh Lai Châu”	2013 – 2014	Hợp tác xã nông nghiệp chất lượng cao Bản Giang	Cấp nhà nước
7	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đưa thông tin KH&CN xuống xã, phường và một số đồn biên phòng thuộc tỉnh.	2010-2012	Trung tâm tin học và thông tin KH&CN	Cấp nhà nước
8	Tạo dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “ Chè Tam Đường” cho sản phẩm của chè Tam Đường tỉnh Lai Châu	2014-2015	Trung tâm Phát triển nông lâm nghiệp và Nông thôn	Cấp nhà nước
9	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi Trâu bản địa năng suất, chất lượng cao và phát triển chuỗi tiêu thụ sản phẩm tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.	2018-2021	HTX Minh Thuận; Vương Đức Quang	Cấp nhà nước
10	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nhân nhanh đàn Bò sinh sản và nuôi Bò thịt chất lượng cao tại tỉnh Lai Châu	2018-2021	Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại và xây dựng Minh Thái.	Cấp nhà nước
11	Nghiên cứu xây dựng quy tính nhân giống và trồng cây Sâm Lai Châu (<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>Fuscidiscus</i> K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai)	2016-2018	Viện Nghiên cứu Lâm sinh	Cấp nhà nước
12	Khai thác và phát triển nguồn gen cây Óc chó	2016-2018	Viện Nghiên cứu Lâm sinh	Cấp nhà nước
13	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nâng cao chất lượng chè nguyên liệu cho chế biến chè Olong và chè xanh chất lượng cao tại tỉnh Lai Châu	2017-2019	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển chè Tam Đường	Cấp nhà nước
14	Chuyển giao công nghệ buồn lọc nước đa tầng để xử lý nước mặt, nước ngầm thành nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu.	2017 – 2019	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lai Châu	Cấp nhà nước
15	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình phát triển hoa địa lan trần Mộng Xuân tại tỉnh Lai Châu	2018-2021	Công ty TNHH Khánh Hạ; ThS Đào Thị Thu Hà	Cấp nhà nước
16	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng và xây dựng nhãn hiệu một số loại dược liệu quý hiếm (Sâm Lai Châu, Bảy lá một hoa tạo vùng sản xuất dược liệu tỉnh Lai Châu	2021-2023	Công ty cổ phần Sâm Lai Châu; ThS.Đào Thu Huế	Cấp nhà nước
17	Đề tài: Nghiên cứu chọn giống và biện pháp kỹ thuật thâm canh Thảo quả năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ở tỉnh Lai Châu và miền núi phía Bắc	2018-2021	Trung tâm nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ	Cấp nhà nước
18	Nghiên cứu công nghệ sản xuất tre ép khối làm vật liệu xây dựng và nội thất vùng Tây Bắc	2016-2018	Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng	Cấp nhà nước

Phụ lục 3: MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA NHIỆM VỤ KH&CN

ST T	Tên nhiệm vụ	Nội dung nghiên cứu	Kết quả đạt được (đóng góp vào sự phát triển KH-XH của địa phương)	Kinh phí và cơ quan chủ trì		Ghi chú
				Kinh Phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	
I	Cấp tỉnh					
1	Nghiên cứu sự phân bố và lưu hành của virus lở mồm long móng (LMLM) ở gia súc tại tỉnh Lai Châu.	- Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ bệnh LMLM tỉnh Lai Châu giai đoạn 2006 - 2011. - Xác định tỷ lệ dương tính huyết thanh học đối với các chủng vi rút chủ yếu (O, A, ASIAN1), đánh giá tỷ lệ mang trùng ở trâu, bò - Nghiên cứu xác định type vi rút gây bệnh LMLM ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Lai Châu - Xác định loại vắc xin phòng bệnh LMLM phù hợp cho trâu, bò trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Các kết quả điều tra, nghiên cứu tại tỉnh Lai Châu nhằm cung cấp, bổ sung và hoàn thiện thêm các thông tin về dịch tễ học bệnh LMLM tại tỉnh Lai Châu nói riêng. - Kết quả của đề tài đã chỉ ra một số đặc điểm dịch tễ quan trọng của bệnh LMLM trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trên cơ sở đó từng thời điểm, cơ quan chuyên môn sẽ chỉ đạo áp dụng những biện pháp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp để không chế và tiên tới thanh toán dịch. - Đã giải trình tự gen và xác định vi rút gây bệnh LMLM tại Lai Châu thuộc Type O, Topotype ME-SA, dòng (lineage) PanAsia. - Khuyến cáo Vắc xin thích hợp phòng bệnh LMLM cho trâu, bò của tỉnh Lai Châu là loại vắc xin đơn giá type O do hãng Merial (Pháp) hoặc hãng Intervet (Hà Lan) sản xuất.	233	Hội nông dân tỉnh Lai Châu	Đã nghiệm thu
2	Khảo nghiệm cây Macca Damia trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình thử nghiệm phù hợp tại tỉnh Lai Châu - Khảo nghiệm một số dòng Macadamia có triển vọng tại Lai Châu - Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật lâm sinh thiết lập mô hình khảo nghiệm - Tập huấn chuyển giao quy trình, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Macadamia tại Lai Châu.	- Đã cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho quy hoạch và phát triển cây Macadamia của tỉnh Lai Châu. - Đã khảo nghiệm 05 dòng vô tính OC, 246, 816, 842, 849 và cây hạt H2 và khuyến cáo được 02 dòng OC và 816 có triển vọng hơn cả. - 100 người dân đã được tiếp nhận và làm chủ quy trình trồng, chăm sóc cây Macadamia tại Lai Châu. - Ban hành sổ tay hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Macadamia tại Lai Châu.	720	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.	Đã nghiệm thu

3	Phục tráng và phát triển giống lúa tẻ râu trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.	- Điều tra khảo sát tình hình sản xuất giống lúa tẻ râu tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu. - Nghiên cứu phục tráng giống lúa tẻ râu tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu. - Đánh giá chất lượng cơm của giống lúa tẻ râu sau khi phục tráng. - Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất thâm canh giống lúa tẻ râu. - Xây dựng mô hình sản xuất trình diễn lúa tẻ râu đã phục tráng. - Tuyên truyền nhân rộng mô hình phục vụ sản xuất.	- Lúa tẻ râu đã được Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia kiểm định, công nhận giống siêu nguyên chủng. - Đề tài đã xây dựng thành công mô hình trình diễn với quy mô 10 ha, với 73 hộ tham gia, mô hình có năng suất bình quân đạt 51,9 tạ/ha, cho lãi so với đầu tư 51.250.000 đồng/ha (Năng suất trước khi phục tráng 45,3 tạ/ha). - Xác định bản mô tả được 53 tính trạng đặc trưng của giống lúa tẻ râu. - 150 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình trồng, chăm sóc giống lúa tẻ râu. - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật canh tác giống lúa tẻ râu.	824,125	TT thực nghiệm và đào tạo nghề	Đã nghiệm thu
4	Ứng dụng TBKT phát triển và tạo dựng Nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Sóng cù Than Uyên” tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	- Điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất lúa Sóng Cù tại huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu - Tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật gieo cấy và chăm sóc lúa Sóng Cù - Xác lập nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm "gạo Sóng Cù Than Uyên" - Xây dựng mô hình sản xuất lúa hàng hóa tạo vùng nguyên liệu chế biến gạo Sóng Cù Than Uyên - Hội nghị đầu bờ, thông tin tuyên truyền mở rộng mô hình trên địa bàn huyện Than Uyên - Phân tích chất lượng và công bố an toàn vệ sinh thực phẩm đối với gạo Sóng Cù	- Tiếp nhận giống lúa Sóng Cù siêu nguyên chủng. - Đề tài đã xây dựng thành công mô hình trình diễn với quy mô 32 ha, với 294 hộ tham gia, mô hình có năng suất bình quân đạt 43,5 tạ/ha, cho lãi so với đầu tư 30.700.000 đồng/ha (Năng suất lúa giống do người dân tự thực hiện chỉ đạt 37,4 tạ/ha). - 200 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình trồng, chăm sóc giống Sóng Cù. - "Gạo Sóng Cù Than Uyên" được cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, sau khi được cấp văn bằng bảo hộ gạo Sóng Cù đã được đưa vào hệ thống các siêu thị tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh... từ đó góp phần tăng giá trị sản phẩm gạo từ 21.000 đồng/kg lên 25.000 đồng/kg. - Kết quả đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn để huyện ủy, UBND huyện Than Uyên đưa giống lúa Sóng Cù vào quy hoạch và định hướng phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao đến năm 2025.	908	UBND huyện Than Uyên	Đã nghiệm thu
5	Xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình trồng Actiso (<i>Cynara scolymus</i> L) tại huyện Sơn	- Điều tra, lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình - Hoàn thiện quy trình trồng cây actiso - Hoàn thiện quy trình thu hoạch được liệu actiso	- Đã đánh giá, khoanh vùng và khuyến cáo được vùng trồng cây actiso tại huyện Sơn Hồ, từ đó làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho tỉnh và huyện Sơn Hồ xác định cây actiso là một trong những cây được liệu trong đề án phát triển cây dược liệu của tỉnh Lai Châu đến năm 2030.	689	Viện Dược liệu	Đã nghiệm thu

	Hồ theo tiêu chuẩn GAP.	- Xây dựng mô hình trồng cây actiso theo tiêu chuẩn GAP với quy mô 2 ha. - Tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Actiso	- Xây dựng được 2 ha cây actiso theo tiêu chuẩn GAP, với sự tham gia của 12 hộ dân, mô hình đã thu được 72 tấn lá tươi actiso. - Khuyến cáo và chuyển giao cho 100 người dân kỹ thuật nhân giống, trồng và thu hoạch cây actiso theo tiêu chuẩn GAP tại huyện Sìn Hồ. - Phân tích hàm lượng hoạt chất dược liệu của cây actiso theo tiêu chuẩn GAP tại huyện Sìn Hồ.			
6	Phục tráng giống lúa Khẩu kư, Nếp tan địa phương của huyện Tân Uyên – tỉnh Lai Châu.	- Phục tráng giống lúa Khẩu Ký, Nếp tan - Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật đối với hai giống lúa - Xây dựng mô hình canh tác cho 02 giống lúa Khẩu Ký, Nếp Tan	- Lúa Khẩu ký và Nếp Tan Co Giàng đã được Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia kiểm định, công nhận giống siêu nguyên chủng. - Xây dựng thành công mô hình trình diễn với quy mô giống lúa Khẩu Ký được thực hiện với quy mô 4,05 ha, với 05 hộ tham gia và giống lúa Nếp Tan Co Giàng với quy mô 3,35 ha với 5 hộ tham gia. Năng suất thực thu của Nếp Tan Co Giàng là 41.8 tạ/ha và cao hơn đối chứng 8.7 tạ/ha, tương đương khoảng 26%; Khẩu Ký là 42.2 tạ/ha và cao hơn đối chứng 5,9 tạ/ha, tương đương 27,8%. - 200 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc giống lúa Khẩu Ký và Nếp Tan Co Giàng, áp dụng quy trình kỹ thuật của đề tài giúp người dân thu nhập bình quân tăng từ 6,7-8 triệu đồng/ha so với trồng lúa theo cách trồng phổ biến của dân. - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, canh tác giống lúa Khẩu Ký và Nếp Tan Co Giàng. - Kết quả đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn để huyện ủy, UBND huyện Tân Uyên đưa lúa Khẩu Ký và Nếp Tan Co Giàng vào quy hoạch và định hướng phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao đến năm 2025.	698	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Đã nghiệm thu
7	Phục tráng giống lúa nếp Khẩu hóc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	- Điều tra, đánh giá thực trạng vùng trồng, phân lập và xác định mẫu nếp Khẩu hóc chuẩn để phục tráng. - Phục tráng và sản xuất giống nếp Khẩu Hóc. - Hoàn thiện quy trình thâm canh và xây dựng mô hình trình diễn giống lúa nếp Khẩu Hóc. - Chuyển giao quy trình kỹ thuật cho người dân.	- Phục tráng thành công giống lúa nếp Khẩu Hóc tại xã Nậm Sỏ huyện Tân Uyên. - Hoàn thiện 02 Quy trình thâm canh giống lúa nếp Khẩu Hóc trên nương và gieo cấy trên ruộng 1 phù hợp với điều kiện thực tế của huyện Tân Uyên. - Xây dựng 30 ha mô hình canh tác giống lúa nếp Khẩu Hóc với hạt giống đã được phục tráng và biện pháp kỹ thuật mới tại xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Mô hình sử dụng giống đã được phục tráng, kết hợp với kỹ thuật canh tác mới, kết quả	960		Đã nghiệm thu

			làm tăng năng suất, bình quân đạt 20,0 tạ/ha, tăng 47% so với mô hình sản xuất đại trà. - 400 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình kỹ thuật về sản xuất hạt giống lúa Khẩu Hóc. - Kết quả của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn giúp UBND huyện bổ sung cơ cấu giống lúa bản địa, đồng thời đưa giống lúa Khẩu Hóc vào quy hoạch và định hướng phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao đến năm 2025. Mặt khác sản xuất và duy trì giống Khẩu Hóc có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế - xã hội như khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, bảo tồn nguồn gen giống lúa địa phương quý hiếm, tăng thu nhập cho người nông dân và ngân sách địa phương. Đồng thời góp phần nâng cao nhận thức cho người nông dân về cách làm mới tức là biết chọn lọc và duy trì cách làm truyền thống hiệu quả đồng thời áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cây trồng nói chung, giống lúa Khẩu Hóc nói riêng, tăng hiệu quả sản xuất.			
8	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các loài Sâm lai châu (<i>Panax vietnamensis</i>), Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.T.Tsai et K.M.Feng) ở các xã vùng cao huyện Mường Tè	- Nghiên cứu đặc điểm sinh thái, phân bố, hiện trạng, mức độ nguy cấp loài và giá trị dược liệu của Sâm Lai Châu - Nghiên cứu chọn giống và nhân giống Sâm Lai Châu, Tam thất hoang (Sapa); Nghiên cứu kỹ thuật trồng thâm canh Tam thất hoang và xây dựng vườn vật liệu bảo tồn nguồn gen Sâm Lai Châu - Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, hội thảo, hội nghị, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật. - Đánh giá chất lượng dược liệu Sâm Lai Châu tại Mường Tè.	- Mô tả đặc điểm hình thái của loài, phân tích điều kiện lập địa và thử nghiệm bảo tồn, gây trồng loài Tam thất hoang từ 200 cây giống gốc. - Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống và trồng với các nội dung chính là xây dựng vườn ươm, chuẩn bị vật liệu vườn ươm, tạo cây con, điều kiện gây trồng, kỹ thuật trồng và thu hoạch, sơ chế cây Tam thất hoang và Sâm Lai Châu. - Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Sâm Lai Châu tại Mường Tè và phân tích thành phần dược liệu trong Sâm Lai Châu gồm: saponin, acid hữu cơ, đường khử, acid amin, sterol và chất béo. Đặc biệt từ thân rễ của loài này đã chiết xuất và phân lập được saponin cấu trúc ocotillol là majonoid R2. - Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn cho tính xác định cây tam thất hoang, Sâm Lai Châu là một trong những cây dược liệu trọng tâm của đề án phát triển cây dược liệu của tỉnh Lai Châu đến năm 2030. - 100 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình kỹ thuật kỹ thuật nhân giống và trồng cây Tam thất hoang, Sâm Lai Châu.	1.142	Viện nghiên cứu lâm sinh	Đã nghiệm thu

9	Xây dựng mô hình trồng, nhân giống Sâm Lai Châu nhằm bảo tồn và phát triển sản phẩm đặc hữu tại các huyện vùng cao của tỉnh Lai Châu.	- Điều tra, khảo sát bổ sung hiện trạng phân bố của cây Sâm Lai Châu. - Xây dựng vườn ươm, nhân giống, chăm sóc, bảo quản Sâm Lai Châu - Xây dựng mô hình trồng Sâm Lai Châu - Chuyển giao kỹ thuật canh tác Sâm Lai Châu	- Bổ sung khuyến cáo khoanh vùng trồng Sâm Lai Châu tại các huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và Mường Tè tỉnh Lai Châu. Kết quả của dự án củng cố thêm cơ sở khoa học và thực tiễn để tỉnh Lai Châu xây dựng đề án kêu gọi đầu tư phát triển cây Sâm Lai Châu. - Đã trồng được 176 cây Sâm Lai Châu mẹ. Đã xây dựng được 03 vườn ươm vượt so với mục tiêu đặt ra, các vườn ươm này đảm bảo đủ điều kiện để sản xuất 5.000 cây/năm. Với công suất tối đa có thể sản xuất được 100.000 cây/năm. - Xây dựng mô hình trồng Sâm Lai Châu với quy mô 600m² tại 3 điểm, mỗi điểm 200m² tại các xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè; tại xã Mồ Si San, huyện Phong Thổ và tại xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ. - Hoàn thiện được 01 quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc Sâm Lai Châu. - 220 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình nhân giống và trồng chăm sóc cây Sâm Lai Châu. - Đã xuất bản được 01 cuốn sách kỹ thuật nhân trồng Sâm Lai Châu làm tài liệu tham khảo. - Khuyến cáo thời vụ trồng và bổ sung thí nghiệm nhân giống bằng khay.	1.055	Viện Nghiên cứu Lâm sinh	Đã nghiệm thu
10	Sản xuất thực nghiệm cá tầm thương phẩm và trứng cá tầm Caviar trên hồ chứa Bản Chát - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu	- Khảo sát, lựa chọn địa điểm nuôi, đặt lồng - Xây dựng mô hình cá thương phẩm và cá lấy trứng. - Hoàn thiện và ban hành sổ tay hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá tầm thương phẩm và thu trứng cá tầm làm trứng cá tầm muối (Caviar) trên hồ chứa Bản Chát. - Tổ chức hội thảo khoa học.	- Kết quả dự án là cơ sở khoa học và thực tiễn cho tỉnh nói chung và huyện Than Uyên đưa cá Tầm nuôi thương phẩm tại các lồng hồ thủy điện. - Đã xây dựng thành công mô hình nuôi cá tầm thương phẩm với số lượng lồng nuôi thương phẩm 20 lồng. - Sản xuất thành công trứng cá tầm muối (caviar). - Khuyến cáo lựa chọn môi trường nuôi, thời vụ nuôi, kích thước cá giống, quản lý và chăm sóc cá tầm thương phẩm trong lồng trên hồ thủy điện. - Đã xây dựng thành công mô hình nuôi cá tầm lấy trứng làm trứng cá muối, nuôi 500 con cá mẹ, thu được cá đến giai đoạn làm trứng chiếm 5% tổng đàn có trứng tốt và cho sản phẩm 50,7 kg trứng muối. Tổng lãi ròng của dự án sau 03 năm là 1.919.223.000 đồng. - 100 người dân đã được tiếp nhận và làm chủ quy trình quản lý chăm sóc cá tầm thương phẩm nuôi trong lồng trên hồ thủy điện. - Ban hành sổ tay hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá tầm thương phẩm trên lồng hồ thủy điện tỉnh Lai Châu.	877	Công ty CP thủy điện chu va	Đã nghiệm thu

11	Nghiên cứu sâu bệnh hại chính và biện pháp phòng trừ trên cây chuối (chuối tiêu, chuối tây) tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	- Nghiên cứu xác định thành phần sâu bệnh hại chính trên cây chuối. - Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ sâu bệnh hiệu quả (Canh tác, sinh học, hóa học,...). - Xây dựng mô hình trình diễn - Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây chuối	- Xác định được 7 loài sâu hại, 9 loài bệnh hại và 1 loài tuyến trùng gây hại trên cây chuối trong đó có 3 loại sâu và 2 loại bệnh gây hại chính trên cây chuối. Từ đó đã xác định được một số loại thuốc bảo vệ thực vật hiệu quả trong phòng trừ sâu bệnh. - Kết quả đề tài giúp các nhà quản lý, các cấp chính quyền địa phương quy hoạch vùng sản xuất chuối; Phục vụ công tác điều tra, chỉ đạo chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại chuối trên địa bàn tỉnh Lai Châu. - 250 người dân đã được tập huấn, tiếp nhận và làm chủ kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp. Áp dụng các biện pháp chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh tổng hợp trên cây chuối năng suất mô hình chuối tách chồi năm thứ nhất 19,8 tấn/ha, tăng 5,8 tấn/ha so với diện tích đại trà của huyện Phong Thổ. - Xây dựng mô hình trồng, chăm sóc cây chuối tại huyện phong thổ với diện tích là 2 ha (trong đó 0,5 ha giống chuối nuôi cấy mô và 1,5 ha trồng giống chuối tách chồi). Lợi nhuận năm đầu tiên tính cho 1 ha chuối nuôi cấy mô đạt 48.242.500 đồng và 01 ha chuối tách chồi đạt 84.402.500 đồng.	673	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Đã nghiệm thu
12	Đánh giá thực trạng phụ nữ dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc	- Đánh giá đúng thực trạng tình hình và kết quả công tác phòng ngừa, ngăn chặn, giải quyết phụ nữ dân tộc thiểu số tại Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; đặc biệt là vùng biên giới Việt - Trung. - Tổng hợp, phân tích và đánh giá về thực trạng trên để tìm ra nguyên nhân dẫn đến phụ nữ dân tộc thiểu số tại Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. - Dự báo tình hình, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành; sự phối hợp thực hiện của các lực lượng trong phòng ngừa, ngăn chặn phụ nữ dân tộc thiểu số xuất cảnh trái phép	- Góp phần triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội miền núi, biên giới. - Phản ánh được thực trạng tình hình phụ nữ dân tộc thiểu số ở tỉnh Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc giai đoạn 2004-2016. Xác định được nguyên nhân, hậu quả tác hại của tình trạng phụ nữ người dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đồng thời dự báo xu thế tình hình phụ nữ dân tộc thiểu số xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và đề xuất 05 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ngăn chặn trên địa bàn tỉnh Lai Châu trong thời gian tới. - Từ kết quả nghiên cứu thực trạng tình hình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong vùng dân tộc hiện tại để rút ra những mặt đã làm được, chưa làm được; từ đó tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác với hình thức, phương pháp thực hiện sát hợp, đạt hiệu quả cao. - Góp phần triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc, nhất là	396	Công an tỉnh	Đã nghiệm thu

		sang Trung Quốc nói riêng và đảm bảo ANTT trong vùng biên giới Việt - Trung nói chung ở tỉnh Lai Châu trong thời gian tới đạt hiệu quả cao nhất.	trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội miền núi, biên giới. Từ đó kiềm chế giải quyết dứt điểm tình trạng phụ nữ nói chung và phụ nữ dân tộc thiểu số nói riêng tại tỉnh Lai Châu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; yên tâm ở lại quê hương xây dựng gia đình, ổn định cuộc sống mới.			
13	Khảo sát, đánh giá thực trạng sinh con thứ ba ở huyện Tân Uyên, Sơn Hồ, Phong Thổ và Mường Tè tỉnh Lai Châu	- Phân tích các nguồn số liệu về mức sinh tại tỉnh Lai Châu từ năm 2009-2012. - Đánh giá sự tiếp cận thông tin truyền thông, dịch vụ KHHGĐ và CSSKSS của các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. - Phân tích, xác định nguyên nhân, các yếu tố tác động tới mong muốn sinh con thứ ba trở lên của các cặp vợ chồng. - Đánh giá vai trò quản lý nhà nước, hiệu quả của các chính sách đã ban hành đối với công tác DS-KHHGĐ - Đề xuất các giải pháp can thiệp cụ thể phù hợp và có khả năng thực thi để giảm tỉ lệ sinh con thứ 3 trở lên.	- Đánh giá thực trạng sinh con thứ 3 trở lên trên địa bàn các huyện tỉnh Lai Châu, xác định được 06 nguyên nhân, các yếu tố chính tác động trực tiếp đến thực trạng sinh con thứ 3 trở lên. Đề xuất được 02 nhóm giải pháp (Tức thời và lâu dài) nhằm hạn chế tình trạng sinh con thứ 3 trở lên tại 04 huyện đề tài nghiên cứu và toàn tỉnh nói chung. - Kết quả đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn để các cơ quan chuyên môn tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII đã ban hành Kế hoạch số 137-KH/TU, 20/3/2018 về thực hiện công tác dân số trong tình hình mới và UBND tỉnh ban hành đề án “Nâng cao chất lượng hoạt động công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2021 – 2025”.	330	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	Đã nghiệm thu
14	Giải pháp bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống dân tộc Mông, góp phần ổn định đời sống vật chất của đồng bào trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Sưu tầm, lưu giữ nhằm bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc Mông tỉnh Lai Châu. - Đánh giá thực trạng của đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Mông. - Đánh giá thực trạng đời sống văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống của đồng bào dân tộc Mông. - Đánh giá các thiết chế văn hóa, vai trò của văn hóa truyền thống dân tộc Mông đối với đời sống vật chất của đồng bào Mông trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	- Kết quả của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để các cơ quan chức năng nghiên cứu, tìm hiểu trước khi hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hiệu quả hơn cho vùng đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh. - Đánh giá thực trạng văn hóa truyền thống dân tộc Mông tỉnh Lai Châu, xác định được 03 nhóm nguyên nhân và các yếu tố chính tác động tiêu cực đến phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc Mông tỉnh Lai Châu. - Dự báo xu hướng và xây dựng 06 nhóm giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống Mông, góp phần ổn định đời sống vật chất của đồng bào trên địa bàn tỉnh Lai Châu trong thời gian tới.	330	Ban tuyên giáo tỉnh ủy	Đã nghiệm thu

		- Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc mông góp phần ổn định đời sống vật chất của đồng bào Mông trên địa bàn tỉnh Lai Châu.				
15	Nghiên cứu và phát triển văn hóa tiêu biểu của dân tộc La Hủ tỉnh Lai Châu.	- Đánh giá thực trạng giá trị văn hóa của dân tộc La Hủ (giá trị vật thể, phi vật thể, và các thiết chế văn hóa). - Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát huy những phong tục, tập quán có ảnh hưởng tốt, đặc biệt là văn hóa tiêu biểu và dần loại bỏ những phong tục, tập quán tiêu cực có ảnh hưởng xấu tới đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc La Hủ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân tộc La Hủ tỉnh Lai Châu. - Phục dựng 2 lễ hội văn hóa tiêu biểu của dân tộc La Hủ tỉnh Lai Châu	- Đánh giá thực trạng văn hóa truyền thống dân tộc La Hủ, qua nghiên cứu đã xác định hiện nay trong cộng đồng dân tộc La Hủ còn tồn tại 16 sắc thái văn hóa tiêu biểu. Trong đó, 14 sắc thái văn hóa tiêu biểu vẫn được duy trì trong các bản với mức độ đậm nhạt khác nhau; 02 sắc thái văn hóa tiêu biểu đang mai một cần phải được bảo tồn khẩn cấp. Đồng thời xác định được 04 nhóm nguyên nhân và yếu tố chính tác động đến việc duy trì và phát triển văn hóa truyền thống tiêu biểu của dân tộc La Hủ, từ đó đề xuất 03 nhóm giải pháp nhằm duy trì và phát triển văn hóa tiêu biểu của dân tộc La Hủ tỉnh Lai Châu trong thời gian tới. - Đề tài đã phục dựng 02 lễ hội truyền thống tiêu biểu của dân tộc La Hủ (Lễ cúng bản và tết mùa mưa). - Kết quả nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ thêm về bản sắc văn hóa dân tộc La Hủ tỉnh Lai Châu, tìm ra nguyên nhân, giải pháp phát triển văn hóa tiêu biểu của đồng bào, giúp nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò và vị trí của văn hoá đối với kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Sự chuyển biến về nhận thức sẽ được thể chế hoá ở các chương trình, chiến lược, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, trong vùng người La Hủ nói riêng.	660	Sở văn hóa	Đã nghiệm thu
16	Xây dựng bộ chữ viết dân tộc Hà Nhì tỉnh Lai Châu	- Điều tra khảo sát đánh giá thực trạng tình hình sử dụng tiếng nói và chữ viết của người Hà Nhì tỉnh Lai Châu - Nghiên cứu hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Lai Châu. - Xây dựng bộ chữ viết Hà Nhì ở Lai Châu. - Đề nghị công nhận bộ chữ viết Hà Nhì ở Lai Châu.	- Chỉ ra được đặc điểm tình hình sử dụng tiếng nói, chữ viết tiếng Hà Nhì cũng như năng lực ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ của người Hà Nhì ở Lai Châu hiện nay; đặc điểm của hệ thống ngữ âm – âm vị học tiếng Hà Nhì ở Lai Châu, bao gồm hệ thống thanh điệu, hệ thống phụ âm, hệ thống nguyên âm, bảng vần và cấu trúc âm tiết. - Xây dựng được nguyên tắc xây dựng bộ chữ viết Hà Nhì tỉnh Lai Châu. - Xây dựng được Bộ chữ viết dân tộc Hà Nhì tỉnh Lai Châu với 27 chữ cái. Trong đó có 25 chữ cái để ghi tiếng Hà Nhì và 02 chữ cái /v, w/ để ghi các từ vay mượn từ các ngôn ngữ khác. - Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần cung cấp những kiến thức về tiếng Hà Nhì tỉnh Lai Châu nói chung và ở Việt Nam nói	920	Viện ngôn ngữ	Đã nghiệm thu

			riêng trên các bình diện cấu trúc và Ngôn ngữ học xã hội; là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan, nhà nghiên cứu sử dụng tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức bằng tiếng Hà Nhì nhằm tạo hệ sinh thái cho chữ viết Hà Nhì phát triển, thực sự đi vào cuộc sống. - Bộ chữ viết của dân tộc Hà Nhì tỉnh Lai Châu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 78/QĐ-UBND, ngày 24/01/2022.			
17	Nghiên cứu, biên soạn địa chí tỉnh Lai Châu	- Thu thập, tổng hợp và ghi chép hệ thống những chi thức về địa lý, hệ thống tổ chức chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hoá - xã hội, lịch sử hình thành và phát triển thiên nhiên, con người tỉnh Lai Châu. - Khảo định bề dày lịch sử và chủ quyền lãnh thổ của tỉnh Lai Châu. Tổng kết hệ thống chi thức bản địa quý báu của các đồng bào dân tộc tỉnh Lai Châu. - Cung cấp hệ thống thông tin tư liệu khách quan khoa học trên các lĩnh vực tự nhiên, dân cư, lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội, con người giúp nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, nhà đầu tư xây dựng chính sách phát triển toàn diện các mặt văn hoá, kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời gian tới.	- Tổng hợp và ghi chép hệ thống những tri thức về địa lý, hệ thống tổ chức chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hoá - xã hội, lịch sử hình thành và phát triển thiên nhiên, con người tỉnh Lai Châu; Khảo định bề dày lịch sử và chủ quyền lãnh thổ của tỉnh Lai Châu. Tổng kết hệ thống tri thức bản địa quý báu của các đồng bào dân tộc tỉnh Lai Châu; Cung cấp hệ thống thông tin tư liệu khách quan khoa học trên các lĩnh vực tự nhiên, dân cư, lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội, con người giúp nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, nhà đầu tư xây dựng chính sách phát triển toàn diện các mặt văn hoá, kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời gian tới. - Cuốn sách Địa chí Lai Châu là cuốn bách khoa tri thức về tỉnh Lai Châu, giúp quảng bá hình ảnh, những nét đặc trưng tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hóa, xã hội của Lai Châu đến độc giả trong cả nước, nhằm thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	3.000	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Đã nghiệm thu
18	Nghiên cứu giải pháp nâng cao công tác phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Nghiên cứu tổng quan về các vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. - Đánh giá thực trạng và nguyên nhân; phát sinh tội phạm ma túy; tình hình công tác phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu - Dự báo xu thế, tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Xác định được các địa bàn trọng điểm hoạt động của đối tượng ma túy và nguồn ma túy xâm nhập vào tỉnh Lai Châu. - Xác định được 04 nhóm yếu tố chính ảnh hưởng trực tiếp đến tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu thời gian qua là vị trí địa lý, việc làm, dân tộc, điều kiện kinh tế. Xác định 03 nhóm tội phạm về chuyên nghiệp, không chuyên nghiệp và cơ hội. Thống kê được trên địa bàn tỉnh tồn tại 07 loại ma túy chính. Dự báo xu thế và đề xuất 03 nhóm giải pháp với 11 giải pháp cụ thể. - Kết quả của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn để ngành công an sử dụng chỉ đạo các phòng chức năng Công an tỉnh, Công an	741	Công an tỉnh Lai Châu	Đã nghiệm thu

		trong thời gian tới và đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế những tồn tại, yếu kém trong công tác phòng, chống tội phạm ma túy của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	các huyện, thành phố; đặc biệt là các huyện biên giới Việt - Trung, mà trọng điểm đáng chú ý trước tiên là huyện Mường Tè, Than Uyên, Tân Uyên (nơi có các đường dây buôn bán vận chuyển chất ma túy và trồng cây thuốc phiện trên địa bàn tỉnh) để chủ động trong công tác phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma túy góp phần bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu thời gian tới. - Là tài liệu tham khảo cho các cơ quan sử dụng để tham mưu xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã và các tổ chức làm công tác bảo vệ ANTT ở cơ sở; tăng cường phối hợp các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn trong công tác bảo vệ ANTT, PCTP và PCMT; tranh thủ và phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ trong công tác vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ ANTT, PCTP và PCMT.			
19	Điều tra, khảo sát dịch tễ học dân cư sống trong khu vực mỏ đất hiếm của huyện Phong Thổ, Tam Đường tỉnh Lai Châu	- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng bức xạ tự nhiên và xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường phóng xạ của các vùng thị xã Lai Châu, huyện Tam Đường và huyện Phong Thổ. - Nghiên cứu đánh giá mức độ phóng xạ và đề xuất giải pháp phòng ngừa.	- Tổng hợp các kết quả phân tích tại huyện Tam Đường, Phong Thổ Lai Châu, phong bức xạ tự nhiên được xác định theo kết quả khảo sát tỉ lệ 1:50.000 là 2,0mSv/năm. - Xây dựng bản đồ 06 vùng nhiễm phóng xạ cho từng khu vực mỏ Nậm Xe và Đông Pao. - Kiến nghị 06 giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế xã hội đối với môi trường; Kiến nghị riêng về các giải pháp phòng ngừa đối với các loại vùng ô nhiễm phóng xạ. - Kết quả của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ công tác quy hoạch, khai thác đất hiếm mỏ Đông Pao và Nậm Xe tỉnh Lai Châu.	682,31	Trường đại học mỏ địa chất	Đã nghiệm thu
20	Nghiên cứu đặc điểm khí hậu và phân vùng khí tượng phục vụ phát triển nông - lâm nghiệp bền vững của tỉnh Lai Châu.	- Bộ cơ sở dữ liệu về đặc điểm khí hậu của tỉnh Lai Châu; - Bản đồ phân vùng khí hậu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu bằng công nghệ GIS và viễn thám chi tiết đến cấp huyện.	- Phân vùng khí hậu nông nghiệp Lai Châu chi tiết đến cấp huyện, mỗi huyện gồm 3 vùng nhiệt, 3 vùng ẩm và 5 tiểu vùng KHNN. Xác định được khí hậu Lai Châu bao gồm: vùng khí hậu thung lũng và núi thấp, vùng khí hậu núi cao vừa và vùng khí hậu núi cao. Với 3 tiểu vùng khí hậu với lượng mưa năm ($R1 < 2.000 \text{ mm}$; $R2: 2.000 \text{ mm} - 2.500 \text{ mm}$ và $R3 > 2.500 \text{ mm}$). - Xây dựng bản đồ Khí hậu, bản đồ Khí hậu nông nghiệp, khuyến cáo cây trồng, vật nuôi, thời vụ phù hợp với từng vùng khí hậu. - Đề tài đã tổng hợp, phân tích xử lý một khối lượng số liệu rất phong phú, đa dạng về khí hậu, khí hậu nông nghiệp, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu Khí tượng thủy văn và xây dựng tập bản	470	Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường	Đã nghiệm thu

			đồ khí hậu và khí hậu nông nghiệp gồm 57 bản đồ, với tỷ lệ: 1/50.000. Đó là những căn cứ khoa học quan trọng phục vụ cho việc quy hoạch phát triển nông - lâm nghiệp bền vững và lựa chọn cây trồng vật nuôi phù hợp cho các vùng trong tỉnh Lai Châu trong hiện tại và trong tương lai. Kết quả đề tài giúp tỉnh Lai Châu và các địa phương trong tỉnh được thừa hưởng các loại số liệu, các loại bản đồ, tài liệu khoa học của đề tài để bố trí, lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp, rút ngắn được thời gian thử nghiệm, giảm chi phí và là những căn cứ khoa học phục vụ cho việc quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp bền vững của tỉnh Lai Châu, góp phần ổn định cuộc sống của đồng bào các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Lai Châu.			
21	Nghiên cứu đánh giá chất lượng đất tại các cánh đồng tập trung phục vụ việc quy hoạch và phát triển lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Điều tra đánh giá thực trạng vùng sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu và thu thập mẫu thổ nhưỡng, mẫu nông hóa. - Xây dựng bản đồ thổ nhưỡng, nông hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu đất cho các vùng trồng lúa tập trung (Mường Than, Mường Khoa, Mường So và Bình Lư) trên địa bàn tỉnh Lai Châu. - Đề xuất các giải pháp quản lý, cải tạo và sử dụng bền vững các vùng đất chuyên trồng lúa nước năng suất, chất lượng cao (Mường Than, Mường Khoa, Mường So và Bình Lư).	- Khoanh vùng và xây dựng bản đồ hiện trạng vùng trồng lúa cho 4 vùng trồng lúa tập trung (Mường Than là 512,28 ha, Bình Lư là 590,77 ha, Mường So là 126,69 ha, Mường Khoa là 542,45 ha) , với tổng diện tích là 1.772,19 ha. - Đã xây dựng được <i>bản đồ sử dụng phân bón cho 4 vùng trồng lúa nước năng suất, chất lượng cao</i> tỷ lệ 1/5.000 trên hệ thống GIS đã xây dựng được 16 mã phân bón theo từng loại đất cho từng vụ (vụ xuân và vụ mùa) và từng giống lúa (giống lai và giống thuần). Vùng TLTT Mường Than đề xuất 4 mã phân bón, vùng Bình Lư đề xuất 5 mã phân bón, vùng Mường So đề xuất 3 mã phân bón và vùng Mường Khoa đề xuất 4 mã phân bón. Liều lượng phân bón và cách thức bón cũng đã được đề xuất để đảm bảo năng suất chất lượng từng giống lúa và từng vụ. - Kết quả của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn để các cấp, ngành khai thác phục vụ công tác quy hoạch phát triển các vùng trồng lúa chuyên canh chất lượng cao. Các cơ quan chuyên môn có giải pháp hướng dẫn các hộ nông dân có biện pháp canh tác và bón phân nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho từng hộ, từng mảnh đất cụ thể.	840	Viện Thổ nhưỡng nông hóa	Đã nghiệm thu
22	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây thối nõn cây hoa địa lan tại huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu	- Nghiên cứu nguyên nhân gây hiện tượng thối nõn hoa địa lan và sự phân bố của chúng tại vùng nghiên cứu.	- Xác định được tác nhân chính gây bệnh thối nõn cây hoa địa lan tại Sìn Hồ, Lai Châu là nấm <i>Phytophthora palmivora</i> . Khuyến cáo 03 loại thuốc hóa học là RIDOMIL GOLD 68WG, AGRI-FOS 400EC và ALIETTE 800WG phòng trừ tốt bệnh thối nõn địa lan, đặc biệt sử dụng thuốc AGRI-FOS 400EC nồng độ 0,5% kết hợp phun và tưới gốc cho hiệu quả phòng trừ thối nõn cao nhất.	628,2	Chi cục bảo vệ thực vật	

		- Nghiên cứu các giải pháp phòng chống tác nhân hiệu quả (Canh tác, sinh học, hóa học...). - Chuyển giao kỹ thuật phòng trừ thối nõn hoa địa lan cho người trồng lan khu vực huyện Sìn Hồ.	- Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ tổng hợp thối nõn hoa địa lan. Áp dụng các biện pháp theo quy trình phòng trừ tổng hợp sẽ mang lại hiệu quả rõ về kinh tế. Hạch toán sơ bộ chi phí đầu tư toàn bộ cho 1 chậu địa lan (bao gồm chi phí vật tư: giống, chậu, giàn che, phân bón, thuốc BVTV) từ khi trồng đến hết năm thứ 3 dự kiến chậu hoa trung bình cho 10 bông thì hiệu quả kinh tế sau khi đã trừ toàn bộ chi phí 2.386.500 đồng. - 100 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình phòng trừ tổng hợp cho nông dân huyện Sìn Hồ. - Kết quả nghiên cứu tạo điều kiện phát triển vùng hoa lan của tỉnh. Giải pháp sử dụng chế phẩm sinh học ức chế nấm bệnh từ trong đất có tác dụng giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đảm bảo phát triển hoa lan theo hướng an toàn và bền vững, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng hoa lan.			
23	Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm một số giống cây ăn quả ôn đới nhập nội (Lê, Hồng, Đào) tại tỉnh Lai Châu.	- Điều tra, tổng hợp, đánh giá những tồn tại và những lợi thế trong việc phát triển cây ăn quả ôn đới (hồng, lê, đào) tại Lai Châu. - Xây dựng mô hình ăn quả ôn đới (hồng, lê, đào) có độ lạnh thấp đạt năng suất cao, chất lượng tốt. - Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân thông qua tập huấn, tham quan.	- Xây dựng được 18 ha trồng lê, hồng đào tại các huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và Tam Đường của tỉnh Lai Châu. Sau 03 năm triển khai mô hình lãi thuần trung bình khoảng 90 triệu đồng/ha từ cây lê, hồng, đào và cây trồng xen dưới tán cây lê, hồng, đào khoảng 7,8 triệu đồng/ha/vụ. - Khuyến cáo được 03 giống lê phù hợp với điều kiện tự nhiên của các vùng thử nghiệm gồm giống BV 1, DL 21, VH 6; 01 giống đào Flordaprince. - 800 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình trồng, chăm sóc và quản lý sâu hại cây ăn quả ôn đới. - Kết quả của nhiệm vụ là cơ sở khoa học và thực tiễn để các sở, ngành, UBND huyện/thành phố xây dựng đề án, quy hoạch, chương trình và kế hoạch phát triển cây ăn quả tập trung. Việc lựa chọn được các giống cây ăn quả ôn đới mới góp phần đa dạng hóa cây trồng tại địa phương và giúp đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao hệ số và hiệu quả sử dụng đất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	870	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây ôn đới	Đã nghiệm thu
24	Chuyển giao kỹ thuật chế biến thức ăn gia súc từ phụ phẩm nông nghiệp bằng men	- Điều tra, khảo sát khối lượng các loại phụ phẩm nông nghiệp, tập quán sử dụng các loại phụ phẩm nông nghiệp của người dân tại 02 huyện Phong Thổ, Sìn Hồ.	- Xây dựng 80 mô hình thực hiện ủ thành công 187.540 kg rơm tươi và thân lá cây ngô sau thu hoạch, đảm bảo chất lượng làm thức ăn cho trâu bò, thời gian bảo quản được trên 3 tháng, có giá trị dinh dưỡng cao hơn so với rơm khô và rơm tươi sau thu hoạch.			

	vi sinh tại huyện Phong Thổ và Sìn Hồ.	- Xây dựng mô hình chế biến/dự trữ ươm, thân lá cây ngô tươi sau thu hoạch làm thức ăn cho trâu bò trong vụ đông. - Tập huấn kỹ thuật dự trữ/chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho trâu bò cho bà con nhân dân.	Giúp các hộ dân tận dụng và chủ động được nguồn thức ăn thô xanh cho trâu bò, đặc biệt là trong mùa đông giá rét. - 630 hộ dân được tiếp nhận và làm chủ kỹ thuật chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho gia súc tại 06 xã của huyện Phong Thổ, Sìn Hồ. Góp phần làm thay đổi tập quán chăn nuôi đại gia súc chỉ dựa vào chăn thả tự nhiên, thêm phương thức hiệu quả trong chế biến dự trữ thức ăn đặc biệt trong vụ đông là thời điểm khan hiếm thức ăn thô xanh nhất trong năm. Từ đó các hộ chăn nuôi thay đổi phương thức chăn nuôi lạc hậu, chủ yếu phụ thuộc vào tự nhiên, sang chủ động thức ăn thông qua việc áp dụng tiến bộ KHKT để chế biến, dự trữ thức ăn, chăn nuôi phát triển lâu dài, bền vững. - Dự án khoa học là cơ sở khoa học và thực tiễn cho các cấp, ngành, UBND huyện/thành phố xây dựng đề án, chương trình, quy hoạch phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò...), góp phần giảm tình trạng đại gia súc bị chết vì đói, lạnh trong các tháng mùa đông trên địa bàn toàn tỉnh.			
25	Xây dựng mô hình trồng Khoai sọ Nậm Khao theo hướng hàng hóa tại huyện Mường Tè.	- Điều tra thực trạng sản xuất, khảo sát địa bàn triển khai dự án. - Xây dựng biện pháp kỹ thuật nhân giống, canh tác, thu hoạch và bảo quản khoai sọ Nậm Khao. - Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm khoai sọ Nậm Khao. - Đào tạo, tập huấn kỹ thuật và tổ chức hội nghị/hội thảo.	- Xây dựng và hoàn thiện sổ tay hướng dẫn kỹ thuật nhân giống và trồng thâm canh khoai sọ Nậm Khao phù hợp với điều kiện khí hậu của huyện Mường Tè. - Thực hiện 14 ha mô hình khoai sọ Nậm Khao cho năng suất củ tươi vượt trung bình 17,0% so với đối chứng. Qua mô hình đã sản xuất được 79 tấn khoai thương phẩm, hiệu quả kinh tế trung bình 2 năm mang lại từ mô hình đạt 61,8 triệu đồng/ha. - 200 hộ dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình kỹ thuật nhân giống trồng thâm canh tác cây khoai sọ Nậm Khao. Khi áp dụng kỹ thuật của dự án năng suất đạt 8,40 - 9,13 tấn/ha giữa các hộ tham gia mô hình, vượt 19,0% so với đối chứng (7,06 tấn/ha), hiệu quả kinh tế mang lại từ mô hình đạt 73,9 triệu đồng/ha; dự án đã thu được trên 100 tấn khoai, trong đó đạt được 79 tấn khoai sọ Nậm Khao thương phẩm. - Kết quả dự án đã giúp bà con nhân dân kịp thời xử lý được các mầm bệnh trong đất và củ giống từ đó không ảnh hưởng tới sinh trưởng phát triển và năng suất của giống khoai Nậm Khao. - Kết quả của dự án là cơ sở khoa học và thực tiễn khuyến cáo UBND huyện Mường Tè quy hoạch phát triển giống khoai sọ Nậm Khao thành một trong các sản phẩm Ocop của huyện.	865,5	Trung tâm Tài nguyên Thực vật	

26	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý môi trường, lũ lụt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn trọng điểm thuộc tỉnh Lai Châu	- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin địa hình – môi trường – thủy văn và xây dựng phần mềm chia sẻ tài liệu. - Bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét tỉ lệ 1:50.000 cho toàn tỉnh Lai Châu, tỉ lệ 1:5.000 cho các địa bàn trọng điểm. - Chuyển giao kết quả nghiên cứu và hướng dẫn sử dụng bản đồ và hệ thống cảnh báo lũ quét.	- Lập được bản đồ phân vùng nguy cơ xuất hiện lũ quét trên địa bàn tỉnh tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:5000 cho một số lưu vực sông có nguy cơ lũ quét cao lưu vực Nậm Lum làm cơ sở cảnh báo lũ quét thời gian thực cho các lưu vực sông khác trong tỉnh trong thời gian sắp tới và sông Nậm Bó – huyện Sìn Hồ. - Lập được phần mềm cơ sở dữ liệu tổng hợp đã thu thập để phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu phục vụ cho công tác phòng tránh thiên tai nói chung và lũ quét nói riêng trong tỉnh. Phần mềm có khả năng lưu trữ số liệu, tài liệu quá khứ và cập nhật nguồn dữ liệu mới để phục vụ tra cứu, bổ sung, khai thác cho nhiều đối tượng sử dụng. - Kết quả đề tài đã góp phần phục vụ có hiệu quả công tác điều hành, phòng chống lũ quét hàng năm của Ban CĐPCLBTW và Ban CHPCLB Tỉnh và cung cấp các thông tin cảnh báo để người dân trong vùng lũ quét có biện pháp chủ động phòng tránh kịp thời. Góp phần trợ giúp cho UNND tỉnh Lai Châu và các Sở, Ban, Ngành có liên quan trong tỉnh trong công tác quy hoạch, phân vùng quản lý sử dụng đất trong khu vực có nguy cơ lũ lụt, lũ quét, lựa chọn và phối hợp các biện pháp phòng tránh thiên tai, là công cụ giúp nghiên cứu biện pháp phòng lũ lụt, lũ quét trong xây dựng cơ bản. Đồng thời, nguồn cơ sở dữ liệu và bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét là tài liệu cơ bản để thiết kế các công trình không chế lũ lụt, lũ quét.	850	Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Tài nguyên nước.	Đã nghiệm thu
27	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm năng suất, chất lượng cao tại huyện Than Uyên.	- Khảo sát đánh giá tình hình chăn nuôi lợn tại huyện Than Uyên để chọn cơ sở chăn nuôi tham gia dự án. - Chuyển giao 04 quy trình kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, phù hợp với điều kiện chăn nuôi và khí hậu của huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Xây dựng mô hình chăm sóc lợn bố mẹ và sản xuất lợn giống. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm.	- Thông qua dự án đơn vị chủ trì đã tiếp nhận và làm chủ 04 quy trình kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, phù hợp với điều kiện chăn nuôi và khí hậu của huyện Than Uyên. - Xây dựng thành công mô hình sản xuất lợn giống với quy mô 50 nái bố mẹ, 2 lợn đực giống (25 nái LY và 25 nái YL và 1 lợn đực Duroc và 1 đực giống PiDu). Mô hình sản xuất đạt 1.100 lợn giống/năm; xây dựng thành công mô hình nuôi lợn thương phẩm quy mô tối đa 1.200 con/năm, cung cấp cho thị trường 100 tấn - 120 tấn thịt lợn hơi xuất chuồng/năm. - 200 hộ dân được tiếp nhận và làm chủ 04 quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn bố mẹ và lợn thương phẩm. - Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã khuyến cáo 03 giống lợn bố mẹ cho năng suất chất lượng thịt lợn thương phẩm cao, đồng thời là cơ sở khoa học và thực tế cho các sở, ban, ngành, UBND	1.041	Hợp tác xã Minh Thuận	Đã nghiệm thu

		- Tập huấn nâng cao kỹ thuật cho 2 cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho 200 lượt người chăn nuôi.	huyện/thành phố xây dựng đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi tập trung.			
28	Nghiên cứu thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Xây dựng hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc ít người. - Đánh giá thực trạng về tảo hôn và hôn nhân cận huyết ở cộng đồng dân tộc ít người tỉnh Lai Châu. - Đề xuất các giải pháp cụ thể can thiệp nhằm giảm tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	- Đánh giá được thực trạng và tỷ lệ tảo hôn đối với từng dân tộc, độ tuổi tảo hôn và hành vi tảo hôn phần lớn là trong cùng dân tộc; Nghiên cứu 50 cặp vợ chồng được nghi ngờ có hôn nhân cận huyết thống thì chỉ có chính xác 19 cặp là thực sự có quan hệ huyết thống với tỷ lệ 38,0%. - Xác định 04 yếu tố chính tác động trực tiếp đến tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Xây dựng và đề xuất 03 nhóm giải pháp nhằm can thiệp nhằm giảm tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết trên địa bàn tỉnh Lai Châu. - Kết quả đề tài là cơ sở khoa học và thực tế giúp các ngành cơ quan chuyên môn sử dụng để tham mưu hoạch định các cơ chế chính sách nhằm xây dựng mô hình can thiệp giảm thiểu tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu. Góp phần quản lý, dự phòng và giảm thiểu tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, nâng cao chất lượng dân số, làm giảm thiểu tỷ lệ các bệnh ác tính liên quan đến tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, nâng cao sức khỏe và bất bình đẳng giới đối với nữ giới.	1.060	Trường Đại học Y tế công cộng	
II	Cấp Bộ					
29	Xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến nấm hàng hóa tại Lai Châu	- Xây dựng cơ sở sản xuất các loại giống Nấm - Xây dựng các mô hình nuôi trồng nấm - Đào tạo, tập huấn và tiếp nhận chuyển giao công nghệ nhân giống nấm, bảo quản và chế biến nấm	- Đã sản xuất các loại giống nấm: cấp I (1.000 ống), cấp II (1.200 chai), cấp III (27,5 tấn). - Đào tạo 05 cán bộ kỹ thuật viên; 120 người dân đã được tiếp nhận và làm chủ quy trình nuôi trồng 04 loại nấm (nấm rơm, nấm sò, nấm mỡ, mộc nhĩ). - Bổ sung nghề mới cho người dân (nghề trồng nấm) cho thu nhập ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Đồng thời giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường một cách rất hiệu quả. Góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân thời gian nhàn rỗi trong sản xuất nông nghiệp, có thêm thu nhập, bảo vệ môi trường...	3.000	Trung tâm ứng dụng TB&C GCN	Đã nghiệm thu
30	Xây dựng mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá Tầm.	- Chuyển giao và tiếp nhận quy trình ương giống và nuôi thương phẩm cá Tầm.	- 100 lượt người dân được tiếp nhận và làm chủ được 10 quy trình kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá tầm trong bể. Đào tạo 6 kỹ thuật viên ương và nuôi cá tầm trong bể.	3.100	Công ty thủy điện Chu	Đã nghiệm thu

	phẩm cá tầm (Acipenser spp) phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lai Châu.	- Xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá Tầm. - Hội thảo và tập huấn.	- Xây dựng mô hình ương giống cá tầm tổng số 80.000 con; xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá tầm quy mô 18.000 con, với tổng trọng lượng 33,6 tấn cho lợi nhuận 3,5 tỷ đồng/2 năm. Đã cải tạo, nâng cấp và xây dựng được 17 bể nuôi. - Dự án đã khẳng định tỉnh Lai Châu là một trong 2 tỉnh thực hiện thành công áp nở cá tầm giống. - Kết quả của dự án là cơ sở khoa học và thực tế sở, ngành, địa phương đưa giống cá Tầm vào cơ cấu giống thủy sản cá nước lạnh trong các đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh Lai Châu.		Va - Lai Châu.	
31	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng cây Sâm Lai Châu (Panax vietnamensis var. Fuscidiscus K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai)	- Nghiên cứu đặc điểm sinh học, tính đa dạng di truyền và kiến thức bản địa của người dân về cây Sâm Lai Châu. - Nghiên cứu thành phần hoá học, chất lượng dược liệu, và động thái tích lũy saponin của cây Sâm Lai Châu. - Nghiên cứu chọn giống, nhân giống và xây dựng vườn giống gốc Sâm Lai Châu - Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, hội thảo, hội nghị và tập huấn, chuyển giao kỹ thuật	- Xây dựng được vườn giống gốc (từ 500 cây thu thập bổ sung và từ 500 cây đối ứng kế thừa). - Phân tích hàm lượng saponin tổng số trong các mẫu phân tích cây mẹ đạt TCCS (10%) và vượt trên 15% so với trung bình. Mô tả hình thái phân biệt và xác định được 01 mẫu giống Sâm Lai Châu có khả năng phát triển thành giống; Đã chiết xuất, phân lập và xác định cấu trúc 06 saponin đặc trưng từ thân rễ Sâm Lai Châu; Đã đánh giá được chất lượng dược liệu Sâm Lai Châu và một số loài khác cùng chi (<i>Panax</i> L.) là: Sâm Việt Nam, Tam thất hoang và Sâm vũ diệp. Thành phần hoạt chất saponin trong dược liệu Sâm Lai Châu cao hơn so với Tam thất hoang và Sâm vũ diệp. - Đã xây dựng tiêu chuẩn cơ sở kiểm soát chất lượng dược liệu Sâm Lai Châu với các chỉ tiêu: mô tả, vi phẫu, soi bột, độ ẩm, tro toàn phần, tro không tan trong acid, định tính saponin và 2 hợp chất silphiosid E, majonosid R2. - Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn cho tỉnh xác định cây Sâm Lai Châu là một trong những cây dược liệu trọng tâm của đề án phát triển cây dược liệu của tỉnh Lai Châu đến năm 2030. - 400 người dân được tiếp nhận và làm chủ quy trình kỹ thuật kỹ thuật nhân giống và trồng cây Sâm Lai Châu.	6.500	Viện Nghiên cứu Lâm sinh	Đã nghiệm thu
32	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nâng cao chất lượng chè nguyên liệu cho chế biến chè Olong và chè xanh	- Xây dựng mô hình nhân giống chè mới PH8 và PH10 bằng phương pháp giâm cành. - Xây dựng mô hình trồng thâm canh giống chè mới PH8 và PH10 giai đoạn kiến thiết cơ bản.	- Xây dựng mô hình nhân giống chè PH8, PH10 quy mô 15 vạn cây giống/ năm; Xây dựng mô hình thâm canh giống chè mới PH8 và PH10 giai đoạn kiến thiết cơ bản, quy 20ha; Cải tạo nương chè cũ theo hướng thâm canh, giai đoạn sản xuất kinh doanh đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP, quy mô 40ha; Xây dựng mô hình chế biến phân hữu cơ vi sinh chuyên dụng cho cây chè, quy mô 300 tấn/năm; mô hình chế biến chè xanh chất lượng cao và chè Olong công	4.250	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển	Đã nghiệm thu

	chất lượng cao tại tỉnh Lai Châu	- Xây dựng mô hình cải tạo nương chè cũ theo hướng thâm canh, giai đoạn sản xuất kinh doanh đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP. - Xây dựng mô hình chế biến phân hữu cơ chuyên dụng cho cây chè; mô hình chế biến chè xanh chất lượng cao và chè Olong. - Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chè Tam Đường. - Đào tạo, tập huấn và chuyển giao công nghệ	suất 5 tấn búp tươi/ ngày. Cải tạo đã tăng năng suất lên 29,9% so với trước khi cải tạo; Xây dựng vườn giống gốc 1,5 ha mỗi năm sẽ tạo ra khoảng trên 30.000 cây chè giống có chất lượng tốt và có khả năng cung cấp hom giống đủ tiêu chuẩn; Mô hình trồng thâm canh giống chè mới PH8 và PH10 giai đoạn kiến thiết cơ bản, Theo như dự kiến tại năm thứ 3 khi năng suất đạt 3,5 tấn/ha, thu nhập bình quân của người dân (trong trường hợp người dân tự bỏ công chăm sóc và thu hái) có thể đạt mức 18.000.000 VNĐ/ha/năm. Dự kiến khi nương chè được 10 tuổi, năng suất đạt khoảng 12-15 tấn/ha. Thu nhập của người dân trồng chè có thể đạt mức 90-100 trđ/ha. - Đào tạo được 10 cán bộ kỹ thuật viên cơ sở. 300 lượt cán bộ và người dân được tiếp nhận và làm chủ 07 quy trình kỹ thuật trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè phù hợp với điều kiện vùng dự án. - Kết quả đề tài góp phần nâng cao vị thế, thương hiệu cho sản phẩm chè Olong, chè xanh của Tam Đường, là nền tảng để cung cấp sản phẩm chè an toàn, chất lượng cao cho thị trường trong và ngoài nước. Tạo nên vùng sản xuất chè tập trung, đem lại lợi ích kinh tế cao cho người dân trong vùng dự án, góp phần vào quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.		chè Tam Đường	
33	Chuyển giao công nghệ bồn lọc nước đa tầng để xử lý nước mặt, nước ngầm thành nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu.	- Xây dựng thành công mô hình ứng dụng công nghệ xử lý nước bằng công nghệ bồn lọc nước đa tầng để tạo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại Lai Châu. - Chuyển giao quy trình xử lý nước bằng bồn lọc nước đa tầng để sử dụng cho sinh hoạt tại các khu vực triển khai dự án. - Xây dựng 250 mô hình trình diễn công nghệ bồn lọc nước đa tầng xử lý nước thành nước sinh hoạt hợp vệ sinh.	- Dự án đã hỗ trợ trên 1.000 người dân có nước sạch để sử dụng thông qua việc xây dựng 250 hệ thống lọc nước. - 600 lượt người dân đồng bào dân tộc thiểu số được tập huấn về nước sạch và lợi ích của nước sạch. - Đào tạo 05 KTV tiếp nhận và làm chủ quy trình xử lý nước mặt, nước ngầm thành nước hợp vệ sinh bằng bồn nước lọc đa tầng và quy trình sản xuất bồn nước lọc đa tầng. - Dự án nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về việc sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh để bảo vệ sức khỏe. Dự án góp phần thay đổi thói quen sử dụng nguồn nước sạch sẵn có không đảm bảo vệ sinh của người dân đồng bào DTTS, từ đó giảm bớt một số bệnh do ký sinh trùng trong nước gây ra. - Sau khi thực hiện dự án một số xã đã đảm bảo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.	2.881	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lai Châu	Đã nghiệm thu

			- Công nghệ của dự án là cơ sở khoa học và thực tiễn giúp cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương tham khảo đưa vào xem xét áp dụng để cung cấp nước hợp vệ sinh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.			
--	--	--	---	--	--	--

Phụ lục 4: THỐNG KÊ VỐN ĐẦU TƯ CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Thực hiện đến 3/2022 (Tỷ đồng)	Đạt tỷ lệ (%)
1	Trụ sở làm việc Trung tâm Tin học và Khoa học Công nghệ và Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ và Chuyển giao Công nghệ tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2011-2012	5,26	5,064	96,27
2	Trụ sở làm việc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2011-2012	3,265	3,067	93,94
3	Thư viện Điện tử Khoa học và Công nghệ tỉnh	TP Lai Châu	2012-2013	4,8	4,475	93,23
4	Đầu tư mua sắm thiết bị Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2012-2013	4,6	4,248	92,35
5	Quy hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu đến năm 2020	TP Lai Châu	2011	0,589	0,589	100,00
6	Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	TP Lai Châu	2013-2014	6,357	6,271	98,65
7	Nâng cao năng lực cho Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh Lai Châu	huyện Tam Đường	2014-2018	39,5	38	96,20
8	Phát triển thị trường công nghệ tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2016	2,533	2,409	95,10
9	Mua sắm thiết bị nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2016-2020	37	32,483	87,79
10	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	TP Lai Châu	2019-2020	4,5	4,5	100,00
11	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2019-2020	29,8	29,8	100,00

Phụ lục 5: CÁC TỔ CHỨC, ĐỘI NGŨ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KH&CN

Stt	Tên các tổ chức, doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm	Số lượng công chức			Số lượng viên chức				Ghi chú
		Cao đẳng	Đại học	Trên ĐH	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên ĐH	
1	Sở KH & CN		15	11					
2	Trung tâm Kiểm định và Phát triển KHCN						12	03	Tổ chức KHCN được cấp GCN KHCN
3	Trường cao đẳng cộng đồng LC				12	01	49	34	
4	Phòng KT thành phố Lai Châu						01		
5	Phòng KT-HT huyện Nậm Nhùn						01		
6	Phòng KT-HT huyện Mường Tè						01		
7	Phòng KT - HT huyện Sìn Hồ						01		
8	Phòng KT-HT huyện Tam Đường						01		
9	Phòng KT-HT huyện Tân Uyên						01		
10	Phòng KT-HT huyện Than Uyên						01		
11	Phòng KT - HT huyện Phong Thổ						01		
12	Bệnh viện phổi LC				02		9		
13	TT kiểm nghiệm thuốc MPTP					16	15	2	
14	TT y tế huyện Tam Đường					4	13	6	
15	TT y tế huyện Sìn Hồ				9	6	33		
16	TT Y tế huyện Phong Thổ						2		Chỉ tính số người làm lĩnh vực an toàn bức xạ
17	TT Y tế huyện Tân Uyên						2		
18	TT y tế huyện Than Uyên						2		
19	TT y tế huyện Mường Tè						2		
20	TT y tế huyện Nậm Nhùn						2		
21	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu						18		
22	Bệnh viện Y học Cổ truyền LC						4		
23	Phòng khám đa khoa phúc thịnh						2		
24	Phòng khám hữu nghị 103						2		
25	TT kiểm soát bệnh tật tỉnh						18		
26	Viện Phát triển CNGD						5		Các tổ chức KHCN được cấp GCN KHCN
27	Công ty CP Hà Sơn					3	8		
28	Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh					3	16	3	
29	Công ty CP chè Tam Đường					32	10		
30	Hợp tác xã Minh Thuận					1	5		
31	HTX dịch vụ du lịch Ngũ Chỉ Sơn					14	2		
	Tổng:		15	11	23	80	239	48	

